

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH
Số: 2483 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Bình, ngày 01 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Theo nhu cầu thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ của các ngành, đơn vị, địa phương để triển khai các công trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; kết quả kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp luật để trình Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố, thị xã đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh: huyện Bồ Trạch tại Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 03/3/2023; huyện Tuyên Hóa tại Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; huyện Minh Hóa tại Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 06/3/2023; huyện Lệ Thủy tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; huyện Quảng Trạch tại Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023; thành phố Đồng Hới tại Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 09/3/2023, huyện Quảng Ninh tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 27/02/2023, thị xã Ba Đồn tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2023.

2. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất đến tháng 12 năm 2023

2.1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt:

Tổng chỉ tiêu đã được phê duyệt trên toàn tỉnh là 3.991,11 ha, trong đó:

- Chỉ tiêu đất trồng lúa được phép chuyển mục đích là 3.489,03 ha;
- Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ được phép chuyển mục đích là 500,05 ha.
- Chỉ tiêu đất rừng đặc dụng được phép chuyển mục đích là 2,03 ha.

2.2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đến tháng 12 năm 2023

a. Kết quả đạt được

- Diện tích đất trồng lúa đã chuyển mục đích là 33,02 ha;

(Cụ thể có Bảng 01, 02 kèm theo)

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hàng năm, chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ do các ngành, đơn vị, địa phương đăng ký chuyển mục đích là khá lớn, tuy nhiên tỷ lệ thực hiện đạt thấp. Nguyên nhân chủ yếu do phải thực hiện nhiều thủ tục liên quan để triển khai dự án đầu tư như: lập, phê duyệt dự án đầu tư; bố trí nguồn vốn đầu tư; lập quy hoạch chi tiết; lập, phê duyệt dự toán thiết kế kỹ thuật; phòng cháy chữa cháy; xin cấp giấy phép xây dựng; các thủ tục về giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng rừng... không thực hiện hoàn thành trong một năm mà có trường hợp kéo dài nhiều năm mới hoàn thành thủ tục pháp lý triển khai dự án đầu tư.

3. Đề xuất danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, đơn vị, địa phương và kết quả rà soát đảm bảo sự phù hợp của việc sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và các quy định của pháp luật; đồng thời, các công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhưng khi đo đạc lại thực tế theo hiện trạng sử dụng đất diện tích có sai khác; các dự án khu đô thị, khu nhà ở thương mại đã được phê duyệt điều chỉnh tên gọi tại Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh; một số dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021, Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021, Nghị quyết số

20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 đến nay chưa thu hồi hết diện tích hoặc chưa thu hồi đất. Theo báo cáo của UBND các huyện, thành phố, thị xã: nguyên nhân các dự án chậm thu hồi đất là do chưa hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, các công trình, dự án nêu trên vẫn đang tiếp tục thực hiện. Ngoài ra, thực hiện đề án “Đảm bảo cơ sở vật chất công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình” đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023. UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để có cơ sở tiếp tục thực hiện.

Để thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

1. Bổ sung mới 157 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 (trong đó có 63 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 368,07 ha, trong đó: 53,06 ha đất trồng lúa; 1,75 ha đất rừng phòng hộ và 313,26 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

2. Bổ sung mới 23 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013. Tổng diện tích sử dụng đất 5,72 ha, trong đó: 4,59 ha đất trồng lúa và 1,13 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh 39 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 26 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013), cụ thể:

- Diện tích trước điều chỉnh là 60,84 ha, trong đó: 15,85 ha đất trồng lúa; 2,03 ha đất rừng phòng hộ và 42,96 ha các loại đất khác.

- Diện tích sau điều chỉnh là 69,27 ha (*tăng 8,43 ha*), trong đó: 17,20 ha đất trồng lúa (*tăng 1,35 ha*); 0,90 ha đất rừng phòng hộ (*giảm 1,13 ha*) và 51,17 ha các loại đất khác (*tăng 8,21 ha*).

* Lý do điều chỉnh: Một số dự án diện tích được điều chỉnh do đo đạc lại thực tế theo hiện trạng sử dụng đất hoặc có điều chỉnh tên gọi để thực hiện dự án, vì vậy phải điều chỉnh để đảm bảo tính pháp lý trong triển khai thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật.

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

4. Danh mục 56 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất sau 03 (ba) năm chưa thực hiện hoàn thành nay tiếp tục thực hiện. Tổng diện tích sử dụng đất 412,19 ha, trong đó: 45,35 ha đất trồng lúa; 15,48 ha đất rừng phòng hộ và 351,36 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 04 kèm theo) ✓

5. Danh mục 127 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất sau 03 (ba) năm chưa thực hiện nay tiếp tục thực hiện. Tổng diện tích sử dụng đất 1.267,49 ha, trong đó: 207,45 ha đất trồng lúa; 5,69 ha đất rừng phòng hộ và 1.054,35 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 05 kèm theo)

6. Danh mục 08 dự án đưa ra khỏi nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Tổng diện tích sử dụng đất 212,66 ha, trong đó: 28,10 ha đất trồng lúa; 0,16 ha đất rừng phòng hộ và 184,40 ha các loại đất khác.

* Lý do đưa ra: Căn cứ quy định của pháp luật, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/3/2023 về việc điều chỉnh danh mục các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị thuộc Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023 tỉnh Quảng Bình tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 12/01/2023.

(Có phụ lục số 06 kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 2392/TTr-UBND ngày 20/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT và NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở TN và MT;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
-KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục 1
BỘ SƯNG DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
 (Kèm theo Tờ trình số: **2482** /TT-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Các loại đất khác	Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ			
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ									
1	Huyện Lệ Thủy			4,03	2,22		1,81		
1	Nhà văn hóa thôn Đại Phong, xã Phong Thủy	Phong Thủy	Lệ Thủy	0,23	0,22		0,01	Nghị quyết 91/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện Lệ Thủy ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách huyện để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn huyện Lệ Thủy giai đoạn 2023-2025	
2	Khu đô thị Lộc Thượng	An Thủy	Lệ Thủy	3,80	2,00		1,80	Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tái phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND).	
11	Huyện Quảng Ninh			177,78	8,49	0,16	169,13		
3	Đường kết hợp kênh tưới Hiền Lộc đi Tả Phan	Duy Ninh	Quảng Ninh	0,63	0,11		0,52	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình, dự án sử dụng ngân sách huyện (giai đoạn 2023-2025)	
4	Đường từ UBND xã Duy Ninh đi Phú Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	2,23	0,24		1,99	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình, dự án sử dụng ngân sách huyện (giai đoạn 2023-2025)	
5	Mở rộng đường Hiền Lộc đi Dinh Mười	Duy Ninh	Quảng Ninh	0,71	0,01		0,70	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình, dự án sử dụng ngân sách huyện (giai đoạn 2023-2025)	
6	Đường phía sau chợ Đắc Thắng đi Hồng Thủy	Gia Ninh	Quảng Ninh	0,21	0,02		0,19	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình, dự án sử dụng ngân sách huyện (giai đoạn 2023-2025)	
7	Mở rộng đường xóm mới thôn Hàm Hòa đi qua trung tâm xã	Hàm Ninh	Quảng Ninh	3,48	0,92		2,56	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình, dự án sử dụng ngân sách huyện (giai đoạn 2023-2025)	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Các loại đất khác	Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ			
8	Nâng cấp đường từ trường tiểu học Xuân Ninh đi đường JBIC	Hiền Ninh	Quảng Ninh	0,21	0,09		0,12	Nghị quyết số 14/NQ-HBND ngày 24/11/2022 của HBND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình, dự án sử dụng ngân sách huyện (giai đoạn 2023-2025)	
9	Đường Mè Chen đến khu công nghiệp	Lương Ninh	Quảng Ninh	0,37	0,02		0,35	Nghị quyết số 14/NQ-HBND ngày 24/11/2022 của HBND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình, dự án sử dụng ngân sách huyện (giai đoạn 2023-2025)	
10	Mở rộng khuôn viên nghĩa trang liệt sỹ xã Hàm Ninh	Hàm Ninh	Quảng Ninh	0,08	0,08			Nghị quyết số 09/NQ-HBND ngày 27/12/2022 của HBND xã Hàm Ninh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2023-2025 sử dụng nguồn ngân sách xã	
11	Khu dân cư Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	158,96	0,16		158,80	Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)	
12	Khu dân cư Võ Ninh 3	Võ Ninh	Quảng Ninh	10,90	7,00		3,90	Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)	
III	Huyện Bố Trạch			25,31	12,91	1,59	10,81		
13	Đường giao thông liên bản từ bản Bụt đến bản Nơông mới	Thương Trạch	Bố Trạch	1,90		0,61	1,29	Nghị quyết số 22/NQ-HBND ngày 23/10/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng duyên hải miền núi huyện Bố Trạch	
14	Xây dựng sân thể dục thể thao Đồng Quan TDP Chi Lặc 2 thị trấn Phong Nha	TT Phong Nha	Bố Trạch	2,28	1,70		0,58	Nghị quyết số 01/2022/NQ-HBND ngày 21/12/2022 của HBND thị trấn Phong Nha về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 thị trấn Phong Nha (nguồn vốn ngân sách thị trấn)	
15	Nhà văn hóa trung tâm xã Tây Trạch	Tây Trạch	Bố Trạch	0,56	0,19		0,37	Nghị quyết số 21/2020/NQ-HBND ngày 18/12/2020 của HBND xã Tây Trạch về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 nguồn vốn ngân sách xã	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
16	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân Cồn Nhắng, thị trấn Phong Nha	TT Phong Nha	Bố Trạch	8,70	4,29		4,41	Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND thị trấn Phong Nha về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị trấn Phong Nha (nguồn vốn ngân sách thị trấn)
17	Nhà văn hóa thôn 8 xã Trung Trạch	Trung Trạch	Bố Trạch	0,35	0,35			Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 10/7/2023 của HĐND xã Trung Trạch về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 nguồn vốn ngân sách xã
18	Đất ở tại nông thôn - Khu vực Bạc Hà (Giai đoạn 2)	Bạc Trạch	Bố Trạch	0,50	0,47		0,03	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
19	Đất ở tại nông thôn (Khu vực Đông Mông Năm: 0,40 ha; khu vực Nương Tuấn thôn 8: 0,50 ha; khu vực Nương Mã Cửa hàng thôn 2: 0,28 ha; khu vực Nương Mã đối diện nhà ông Thoại thôn 7: 0,14 ha)	Trung Trạch	Bố Trạch	1,32	0,71		0,61	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
20	Đất ở tại nông thôn (Khu vực của ông Thao, Nậy thôn 3: 0,50 ha; Khu vực nhà hoa thôn 6: 0,50 ha; Khu vực NVH thôn 4: 0,36 ha; Khu vực NVYH thôn 6: 0,30 ha; Khu vực NVH thôn 1,2: 0,50 ha)	Đông Trạch	Bố Trạch	2,16	2,07		0,09	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
21	Đất ở tại nông thôn (Khu vực thôn Dinh Lễ: 0,28 ha; Khu vực thôn đó ng: 0,48 ha)	Vạn Trạch	Bố Trạch	0,76	0,70		0,06	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
22	Đất ở tại nông thôn - Khu vực thôn 2, xã Bạc Trạch	Bạc Trạch	Bố Trạch	0,24	0,23		0,01	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
23	Đất ở tại nông thôn - Khu vực thôn Nam Năm, xã Cự Năm	Cự Năm	Bố Trạch	0,50	0,46		0,04	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
24	Đất ở tại nông thôn xã Mỹ Trạch (Vùng Cửa Mương thôn 6)	Mỹ Trạch	Bố Trạch	0,39	0,04		0,35	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư
25	Đất ở tại nông thôn xã Lâm Trạch (Khu vực sau hồi nhà ông Tim thôn 2)	Lâm Trạch	Bố Trạch	0,31	0,08		0,23	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
26	Đất ở tại nông thôn (Khu vực sau hồi nhà Ông An thôn 4: 0,40 ha; Khu vực thôn 2: 0,32 ha)	Lâm Trạch	Bố Trạch	0,72	0,30		0,42	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
27	Đất ở tại nông thôn - Đất lẻ xã Hưng Trạch	Hưng Trạch	Bố Trạch	0,50	0,04		0,46	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
28	Đất ở tại nông thôn xã Thượng Trạch (Khu vực NVH bản Niu: 0,50 ha; Khu vực bản Coóc: 0,50 ha; Khu vực bản Trôi: 0,50 ha; Khu vực bản Aki: 0,15 ha)	Thượng Trạch	Bố Trạch	1,65	0,28	0,98	0,39	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 27/3/2023 của HĐND huyện Bố Trạch về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi huyện Bố Trạch
29	Tạo quỹ đất tại thôn 1, thôn 4, thôn 5 xã Hoàn Trạch (nay là thị trấn Hoàn Lão)	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	1,97	0,52		1,45	Công văn số 534/UBND ngày 05/4/2019 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao chủ đầu tư thực hiện dự án tạo quỹ đất ở tại thôn 1, thôn 4, thôn 5 xã Hoàn Lão
30	Đất ở tại đó thị trấn Phong Nha (TDP Cù Lạc 1)	TT Phong Nha	Bố Trạch	0,50	0,48		0,02	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
IV	Thị xã Ba Đồn			6,25	4,33		1,92	
31	Trạm y tế xã Quảng Tân	Quảng Tân	Ba Đồn	0,14	0,12		0,02	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tình quân lý. (Phụ lục 9. Mục 4.1)
32	Nhà lớp học 8 phòng, khuông viên và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Quảng Thọ	Quảng Thọ	Ba Đồn	0,28	0,18		0,10	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 27/12/2022 của HĐND phường Quảng Thọ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nhà lớp học 8 phòng, khuông viên và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Quảng Thọ
33	Trường mầm non xã Quảng Tân	Quảng Tân	Ba Đồn	0,42	0,35		0,07	Quyết định số 3955/QĐ-UBND 31/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trường Mầm non xã Quảng Tân

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó				Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
34	Xây dựng nhà chức năng, sân, bếp ăn và khuôn viên trường mầm non xã Quảng Minh	Quảng Minh	Ba Đồn	0,18	0,10			0,08	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 05/01/2021 của HĐND xã Quảng Minh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2020-2025 của xã Quảng Minh
35	Trung tâm văn hóa thể thao xã Quảng Tân	Quảng Tân	Ba Đồn	0,23	0,19			0,04	Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND thị xã Ba Đồn về việc Phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình Trung tâm văn hóa, thể thao xã Quảng Tân
36	Nhà bia tương niệm Trần chống Cận làng Lâm Xuân, xã Quảng Thủy	Quảng Thủy	Ba Đồn	0,28	0,27			0,01	Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh về việc xếp hạng di tích lịch sử
37	Nghĩa địa phường Quảng Thuận phục vụ giải phóng mặt bằng Khu đô thị Cồn Két	Quảng Thuận	Ba Đồn	0,15	0,12			0,03	Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư
38	Nhà sinh hoạt cộng đồng TDP Chính Trực, phường Quảng Long	Quảng Long	Ba Đồn	0,25	0,22			0,03	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 03/01/2023 của HĐND phường Quảng Long về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2023-2025 (Phụ lục 12)
39	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Vĩnh Lộc, xã Quảng Lộc	Quảng Lộc	Ba Đồn	0,30	0,26			0,04	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HNNĐ xã Quảng Lộc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
40	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tây Minh Lã, xã Quảng Minh	Quảng Minh	Ba Đồn	0,40	0,20			0,20	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 của HĐND xã Quảng Minh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Xây mới Nhà văn hóa thôn Tây Minh Lã
41	Mở rộng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn đồ ng Bắc, xã Quảng Thủy	Quảng Thủy	Ba Đồn	0,18	0,17			0,01	Quyết định 1536a/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND thị xã Ba Đồn về việc phân bổ đầu tư công tính Quảng Bình thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2023
42	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thương Thủy, xã Quảng Thủy	Quảng Thủy	Ba Đồn	0,26	0,23			0,03	Quyết định 1536a/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND thị xã Ba Đồn về việc phân bổ đầu tư công tính Quảng Bình thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2023
43	Phát triển quy đất tại thôn Tân đồ ng, thôn Văn Nam và thôn Văn đồ ng, xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn	Quảng Hải	Ba Đồn	0,33	0,05			0,28	Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của thị xã Ba Đồn về giao nhiệm vụ cho UBND xã Quảng Hải làm chủ đầu tư dự án
44	Các thửa đất xen cư thôn Diên Trường và thôn Hà Sơn, xã Quảng Sơn	Quảng Sơn	Ba Đồn	0,50	0,08			0,42	Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thị xã Ba Đồn về việc giao nhiệm vụ cho UBND xã Quảng Sơn làm chủ đầu tư dự án: Các thửa đất xen cư đưa vào đầu giá trên địa bàn xã Quảng Sơn

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
45	Đất xen cư để đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất xã Quảng Thủy) (thôn Trung Thủy: 0,43 ha; thôn Nam Thủy: 0,49 ha; thôn Thượng Thủy: 0,18 ha; thôn Đông Bắc: 0,06 ha; thôn Xuân Thủy: 0,22 ha	Quảng Thủy	Ba Đồn	1,38	1,27		0,11	Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND thị xã Ba Đồn vv giao nhiệm vụ cho UBND xa Quảng Thủy làm chủ đầu tư thực hiện dự án
46	Các thửa đất xen cư đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn xã Quảng Tiên	Quảng Tiên	Ba Đồn	0,36	0,07		0,29	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND thị xã Ba Đồn về việc giao nhiệm vụ cho UBND xã Quảng Hải làm chủ đầu tư dự án
47	Đất ở xen cư khu vực thôn Công Hòa, thôn Thượng Thôn và thôn Trung Thôn, xã Quảng Trung	Quảng Trung	Ba Đồn	0,36	0,20		0,16	Công văn số 3269/UBND ngày 12/12/2021 của UBND thị xã Ba Đồn giao chủ đầu tư thực hiện dự án đất xen cư đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn thị xã Ba Đồn
48	Xây dựng nhà nội trường và phòng làm việc UBND xã Quảng Lộc	Quảng Lộc	Ba Đồn	0,25	0,25			Ngày quyết số 38/NQ-HUBND ngày 03/01/2023 của UBND xã Quảng Lộc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình dự án
V	Huyện Quảng Trạch			4,32	3,75		0,57	
49	Nâng cấp mở rộng sửa chữa xây mới tương đài nghĩa trang liệt sĩ xã Quảng Hưng	Quảng Hưng	Quảng Trạch	0,10	0,08		0,02	Ngày quyết số 07/NQ-HUBND ngày 28/7/2023 của UBND xã Quảng Hưng về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 3) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 4) xã Quảng Hưng (nguồn vốn ngân sách xã)
50	Sân thể thao thôn Tùng Giang, xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0,40	0,40			Ngày quyết số 16/NQ-HUBND ngày 16/8/2023 của UBND xã Quảng Châu về danh mục các công trình, dự án đầu tư công trung hạn xã Quảng Châu giai đoạn 2023-2025 để đưa vào kế hoạch sử dụng đất
51	Khu văn hóa, thể thao, đình làng thôn Thanh Bình xã Quảng Xuân	Quảng Xuân	Quảng Trạch	2,56	2,30		0,26	Ngày quyết số 26/NQ-HUBND ngày 29/12/2021 của UBND xã Quảng Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng khu văn hóa thể thao thôn Thanh Bình, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch
52	Nhà văn hóa kết hợp nhà vượt lũ thôn Trường Long, xã Phú Hòa	Phù Hòa	Quảng Trạch	0,12	0,02		0,10	Ngày quyết số 34/NQ-HUBND ngày 20/9/2023 của UBND xã Phú Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nhà văn hóa kết hợp nhà vượt lũ thôn Trường Long, xã Phú Hòa
53	Tạo quỹ đất ở thôn Lý Nguyễn, thôn Hà Lý, xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0,50	0,43		0,07	Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 23/1/2021 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã trên địa bàn huyện Quảng Trạch

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Chi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
54	Tạo quỹ đất ở (Thôn 1, thôn 2, thôn 3) xã Quảng Kim	Quảng Kim	Quảng Trạch	0,15	0,03		0,12	Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất tại xã Quảng Kim, huyện Quảng Trạch
55	Hà tầng kỹ thuật Quy hoạch chi tiết khu đất ở điểm dân cư phía Tây chợ Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch	Quảng Lưu	Quảng Trạch	0,49	0,49			Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 4/8/2023 của HĐND xã Quảng Lưu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Hà tầng kỹ thuật Quy hoạch chi tiết khu đất ở điểm dân cư phía Tây chợ Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch
V1	Huyện Tuyên Hòa			8,08	1,70		6,38	
56	Tuyến đường liên xã phía Tây thị trấn Đồng Lê (giai đoạn 2)	Sơn Hòa, Thạch Hòa	Tuyên Hòa	4,49	0,88		3,61	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 24/7/2023 của HĐND huyện Tuyên Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tuyên đường liên xã phía Tây thị trấn Đồng Lê (giai đoạn 2)
57	Đường nội đồng Phúc Tung - Cồn Cam	Đức Hòa	Tuyên Hòa	0,98	0,24		0,74	Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND huyện Tuyên Hòa v/v giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện
58	Hà tầng kỹ thuật khu di tích lịch sử cấp Quốc gia Hang Lèn Hà	Thanh Hòa	Tuyên Hòa	2,05	0,47		1,58	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 05/05/2022 của HĐND huyện Tuyên Hòa v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Hà tầng kỹ thuật khu di tích lịch sử cấp Quốc gia hang Lèn Hà, xã Thanh Hòa, huyện Tuyên Hòa
59	Dự án tạo quỹ đất ở đô thị tại tiểu khu Đồng Văn, tiểu khu Tam Đông	Đồng Lê	Tuyên Hòa	0,11	0,09		0,02	Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện Tuyên Hòa v/v giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hòa
60	Tư vấn làm việc cơ quan Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hòa	Lê Hòa	Tuyên Hòa	0,45	0,02		0,43	Công văn số 498/UBND-KT ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc giới thiệu địa điểm xây dựng.
VII	Thành phố Đồng Hới			27,05	19,66		7,39	
61	Khu đô thị phía sau chợ Đức Ninh, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	Đức Ninh	Đồng Hới	11,00	8,67		2,33	Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
62	Khu đô thị phía Tây đường Lý Nam Đế	Đồng Phú	Đồng Hới	9,60	5,19		4,41	Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
63	Khu đô thị Phú Xá	Lộc Ninh	Đồng Hới	6,45	5,80		0,65	Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
11	Đường trung tâm xã Gia Ninh đoạn từ ngã ba Mỹ Trung đi trạm y tế xã	Gia Ninh	Quảng Ninh	1,40			1,40	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2022 của HĐND xã Gia Ninh về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2023-2025
12	Đường trung tâm xã Gia Ninh đoạn từ ngã ba Mỹ Trung đi trường THCS Gia Ninh	Gia Ninh	Quảng Ninh	0,14			0,14	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2022 của HĐND xã Gia Ninh về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2023-2025
13	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường N3 đô thị Đình Mười	Gia Ninh	Quảng Ninh	2,84			2,84	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình trong vùng trung tâm đô thị Đình Mười (giai đoạn 2023-2025)
14	Đường giao thông nông thôn Xuân Hải, xã Hải Ninh	Hải Ninh	Quảng Ninh	0,04			0,04	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01/01/2022 của HĐND xã Hải Ninh về kế hoạch đầu tư công năm 2022 xã Hải Ninh
15	Mở rộng trục đường chính thôn Hoà Bình	Tân Ninh	Quảng Ninh	1,31			1,31	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình, dự án sử dụng ngân sách huyện (giai đoạn 2023-2025)
16	Đường tránh lũ thôn Rào Dả - Quyết Thắng (qua khu di dân thôn Quyết Thắng)	Trương Xuân	Quảng Ninh	0,98			0,98	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình, dự án sử dụng ngân sách huyện (giai đoạn 2023-2025)
17	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường N2 đô thị Đình Mười	Võ Ninh	Quảng Ninh	1,60			1,60	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình trong vùng trung tâm đô thị Đình Mười (giai đoạn 2023-2025)
18	Khu phức hợp văn hoá thể thao thuộc khu đô thị Đình Mười	Võ Ninh	Quảng Ninh	4,50			4,50	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình trong vùng trung tâm đô thị Đình Mười (giai đoạn 2023-2025)
19	Hạ tầng kỹ thuật nghĩa Trang nhân dân tập trung khu phía đông ng. xã Gia Ninh	Gia Ninh	Quảng Ninh	6,00			6,00	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Gia Ninh về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2023-2025 (nguồn vốn cấp xã quản lý)
20	Hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang nhân dân tập trung khu phía Nam xã Hải Ninh (Giai đoạn 1)	Hải Ninh	Quảng Ninh	4,95			4,95	Nghị Quyết số 31/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Hải Ninh về việc phê duyệt bổ sung chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công đợt 3 năm 2022

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Các loại đất khác	Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ			
21	Hà tầng kỹ thuật nghĩa trang nhân dân tập trung khu phía tây xã Hải Ninh (Giai đoạn 1)	Hải Ninh	Quảng Ninh	4,75				4,75	Nghị Quyết số 31/NQ-HBND ngày 02/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Hải Ninh về việc phê duyệt bổ sung chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công đợt 3 năm 2022
22	Xây dựng hạ tầng nghĩa trang nhân dân xã Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	5,00				5,00	Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc phân bổ vốn đầu tư công
23	Nhà văn hoá thôn Trần Xá	Hầm Ninh	Quảng Ninh	0,08				0,08	Nghị quyết số 09/NQ-HBND ngày 27/12/2022 của HĐND xã Hầm Ninh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2023-2025 sử dụng nguồn ngân sách xã
24	Hạ tầng công viên thuộc khu đô thị Đình Mười	Các xã: Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	4,50				4,50	Nghị quyết số 13/NQ-HBND ngày 24/11/2022 của HBND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình trong vùng trung tâm đô thị Đình Mười (giai đoạn 2023-2025)
25	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng, phần lô chỉ tiết khu đầu giai đất ở phía Bắc chợ Cửa thôn	Hải Ninh	Quảng Ninh	0,49				0,49	Nghị quyết số 07/NQ-HBND ngày 28/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã Hải Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án
26	Khu đất đầu giai đất ở thôn Sỏi xã Vạn Ninh (Đợt 1)	Vạn Ninh	Quảng Ninh	0,50				0,50	Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư
27	Khu dân cư Võ Ninh 2	Võ Ninh	Quảng Ninh	10,00				10,00	Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (gọi phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
111	Huyện Bố Trạch			21,66				21,66	
28	Đường giao thông từ trường tiểu học số 2 Thượng Trạch vào khu dân cư xen ghép bán Cờ Đỏ, xã Thượng Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	0,60				0,60	Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ trường tiểu học số 2 Thượng Trạch vào khu dân cư xen ghép bán Cờ Đỏ, xã Thượng Trạch
29	Nâng cấp mở rộng đường, hệ thống thoát nước đường Trần Nhân Tông - thị trấn Hoàn Lão	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0,43				0,43	Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND thị trấn Hoàn Lão về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình
30	Khu trung tâm văn hóa thị trấn Nông trường Việt Trung	TT NT Việt Trung	Bố Trạch	0,57				0,57	Nghị quyết số 04/NQ-HBND ngày 26/7/2022 của HBND thị trấn NTT về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách thị trấn

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
31	Nhà hiệu bộ trường tiểu học số 2 Thượng Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	0,31			0,31	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của HĐND huyện Bố Trạch về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Bố Trạch
32	Xây dựng điểm trường tiểu học số 1 và điểm trường mầm non tại bản Bàn xã Thượng Trạch (nằm trong khu tái định cư bản Bàn)	Thượng Trạch	Bố Trạch	0,42			0,42	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 27/3/2023 của HĐND huyện Bố Trạch về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Bố Trạch
33	Nâng cấp sân vận động trung tâm xã Xuân Trạch	Xuân Trạch	Bố Trạch	0,52			0,52	Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 26/7/2023 của HĐND xã Xuân Trạch về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
34	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Lý, thị xã, thành phố Quảng Bình	Bố Trạch	Bố Trạch	0,02			0,02	Quyết định số 3056/QĐ-BCT ngày 28/8/2018 của Bộ Công thương về việc phê duyệt BC nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án
35	Nhà văn hóa TDP Quyết Tiến	TT NT Việt Trung	Bố Trạch	0,22			0,22	Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 20/7/2023 của UBND thị trấn NTVT về kế hoạch đầu tư công năm 2024
36	Nhà văn hóa TDP Phú Quý	TT NT Việt Trung	Bố Trạch	0,16			0,16	Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 20/7/2023 của UBND thị trấn NTVT về kế hoạch đầu tư công năm 2024
37	Nhà văn hóa TDP Xung Kịch	TT NT Việt Trung	Bố Trạch	0,18			0,18	Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 20/7/2023 của UBND thị trấn NTVT về kế hoạch đầu tư công năm 2024
38	Đất ở tại nông thôn (Khu vực gần trường mầm non Bắc Hồng: 0,24 ha; Khu vực thôn Bắc Hồng: 0,50 ha)	Nam Trạch	Bố Trạch	0,74			0,74	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
39	Đất ở tại nông thôn (Khu vực Sầm Ô: 0,50 ha; Khu vực Thôn 1: 0,50 ha; Khu vực Thôn 6: 0,50 ha)	Lý Trạch	Bố Trạch	1,50			1,50	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
40	Đất ở tại nông thôn (Khu vực Bạc Hà-Giai đoạn 1: 0,30 ha; Khu vực Đông Cát: 0,11 ha)	Đại Trạch	Bố Trạch	0,30			0,30	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Các loại đất khác	Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ			
41	Đất ở tại nông thôn (Khu vực đối diện nhà ông Phố thôn 7: 0,23 ha; Khu vực gần nhà ông Bé, bà Hương thôn 7: 0,10 ha)	Trung Trạch	Bố Trạch	0,33				0,33	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
42	Đất ở tại nông thôn (Các lô lẻ xen kẽ thôn đó ng Đức: 0,33 ha; Các lô lẻ xen kẽ thôn Nam Đức: 0,33 ha; Các lô lẻ xen kẽ thôn Trung Đức: 0,08 ha)	Đức Trạch	Bố Trạch	0,74				0,74	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
43	Đất ở tại nông thôn (Khu vực thôn đó ng Duyệt 1: 0,50 ha; Khu vực thôn Nam Sơn: 0,50 ha; Khu vực hồ tôm xã Phú Trạch cũ: 0,12 ha; Các lô lẻ xen kẽ: 0,08 ha)	Hải Phú	Bố Trạch	1,20				1,20	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
44	Đất ở tại nông thôn xã Hòa Trạch (Khu vực thôn Hòa Đông)	Hòa Trạch	Bố Trạch	0,23				0,23	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư
45	Đất ở tại nông thôn xã Hòa Trạch (Khu vực thôn Cà: 0,45 ha; Khu vực thôn Hồ (2 vị trí): 0,50 ha; Khu vực thôn Dài: 0,25 ha; Khu vực nhà ông Cao thôn Cà: 0,19 ha)	Hòa Trạch	Bố Trạch	1,39				1,39	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
46	Đất ở tại nông thôn xã Vạn Trạch - Khu vực thôn Rẫy	Vạn Trạch	Bố Trạch	0,36				0,36	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
47	Đất ở tại nông thôn (Khu vực đường Ba Trại: 0,31 ha; Khu vực trước trường mầm non Sơn Lộc: 0,31 ha; Khu vực đất lề xã Sơn Lộc: 0,32 ha)	Sơn Lộc	Bố Trạch	0,94				0,94	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
48	Đất ở tại nông thôn (Khu vực phía Nam thôn Tiên Phong (vị trí 1): 0,43 ha; Khu vực phía Nam thôn Tiên Phong (vị trí 2): 0,46 ha; khu vực đất lề xã Thanh Trạch: 0,23 ha; Khu vực Lối Chối thôn Tiên Phone: 0,50 ha)	Thanh Trạch	Bố Trạch	1,62				1,62	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
49	Đất ở tại nông thôn xã Phú Định (thôn Nam Định: 0,42 ha; đất ở xen kẽ trong khu dân cư: 0,48 ha)	Phú Định	Bố Trạch	0,90				0,90	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Chi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
50	Đất ở tại nông thôn (Khu vực Hà Luật thôn 1: 0,46 ha; Khu vực thôn 6: 0,50 ha; Khu vực Thượng Đông thôn 6: 0,19 ha)	Bắc Trạch	Bố Trạch	1,15			1,15	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
51	Đất ở tại nông thôn (Khu vực dãy 2 Đông Cầu thôn Võ Thuận 2: 0,50 ha; Khu vực Đông Cồn Chung thôn Mít: 0,37 ha; Khu vực Lôi Dầu thôn Làng: 0,50 ha; Khu vực đất lè xã Tây Trạch: 0,20 ha)	Tây Trạch	Bố Trạch	1,57			1,57	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
52	Đất ở tại nông thôn - Khu vực thôn 6 xã Mỹ Trạch	Mỹ Trạch	Bố Trạch	0,35			0,35	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
53	Đất ở tại nông thôn - Khu vực đất lè xã Lâm Trạch	Lâm Trạch	Bố Trạch	0,49			0,49	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
54	Đất ở tại nông thôn - Khu vực thôn 5, xã Xuân Trạch	Xuân Trạch	Bố Trạch	0,42			0,42	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
55	Đất ở tại nông thôn xã Phúc Trạch (thôn 4 Thanh Sơn: 0,15 ha; thôn 2 Phúc Đông (3 vị trí): 0,12 ha)	Phúc Trạch	Bố Trạch	0,27			0,27	Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ trương đầu tư
56	Khu định canh, định cư tập trung bản Bàn, xã Thượng Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	0,61			0,61	Ngành quyết số 05/NQ-HĐND ngày 27/3/2023 của HĐND huyện Bố Trạch về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giải đoạn 2021-2025 và năm 2023 thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Bố Trạch

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
57	Đất ở tại nông thôn xã Thượng Trạch - Khu vực bản Nộn xã Thượng Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	0,50			0,50	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 27/3/2023 của HĐND huyện Bố Trạch về việc phân bổ chỉ tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giải đoạn 2021-2025 và năm 2023 thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng duyên hải miền núi huyện Bố Trạch
58	Dự án Tào quỹ đất ở khu vực tiểu khu 1 - thị trấn Hoàn Lão	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0,04			0,04	Quyết định 5730/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án tào quỹ đất ở khu vực tiểu khu 1, tiểu khu 4 thị trấn Hoàn Lão
59	Bồi thường hằng đất để GPMB thực hiện dự án Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Pùta Nam sông Phường Bùn	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0,02			0,02	Công văn số 2073/UBND-TNMT ngày 10/10/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc thông nhất chủ trương bồi thường bằng đất cho ông bà Trần Chí Phương - Trần Thị Nguyệt
60	Đất ở tại đô thị (Khu vực đồng Tư Liêu tiểu khu 7: 0,44 ha; Khu vực Bãi Bạch đàn tiểu khu 4: 0,46 ha)	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0,90			0,90	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND thị trấn Hoàn Lão về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
61	Đất ở tại đô thị (Khu vực Quyết Tiến (Giai đoạn 2: 0,44; các khu vực đất lẻ khác: 0,11)	TT NT Việt Trung	Bố Trạch	0,55			0,55	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
62	Đất ở tại đô thị (Khu vực TDP Gia Tĩnh: 0,32 ha; Khu vực gần nhà ông Hùng TDP Cù Lạc 1: 0,43 ha; các khu vực đất lẻ (7 vị trí): 0,36 ha)	TT Phong Nha	Bố Trạch	1,11			1,11	Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bố Trạch
IV	Thị xã Ba Đồn			5,58			5,58	
63	Nhà sinh hoạt cộng đồng TDP Thủy Sơn, phường Quảng Long	Quảng Long	Ba Đồn	0,18			0,18	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 03/01/2023 của HĐND phường Quảng Long về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2023-2025 (Phần lục 1)
64	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tiên Xuân	Quảng Tiên	Ba Đồn	0,39			0,39	Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND thị xã Ba Đồn về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2021 cho các cơ quan ban ngành; Quyết định số 441/QĐ-BCT ngày 15/01/2022 của UB MTTQ tỉnh chỉ tiêu hỗ trợ xây dựng
65	Phát triển quỹ đất tại thôn Minh Hà, xã Quảng Minh	Quảng Minh	Ba Đồn	0,26			0,26	Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của UBND thị xã Ba Đồn về việc giao UBND xã Quảng Minh làm chủ đầu tư thực hiện dự án
66	Phát triển quỹ đất tại thôn Minh Tiến và thôn Bắc Minh Lễ	Quảng Minh	Ba Đồn	0,16			0,16	Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của UBND thị xã Ba Đồn về việc giao UBND xã Quảng Minh làm chủ đầu tư thực hiện dự án

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
67	Bồi thường, tái định cư thực hiện dự án Xây dựng công trình Hệ thống thủy lợi Rào Nan	Quảng Sơn	Ba Đồn	0,03				Công văn số 1497/UBND ngày 17/8/2022 của UBND thị xã Ba Đồn về việc thống nhất quỹ đất để bố trí tái định cư cho Ông Hoàng Thiện bị thu hồi đất ở do GPMB dự án Hệ thống thủy lợi Rào Nan;
68	HTKT khu dân cư phía đông Nam phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn (Khu vực 1)	Ba Đồn	Ba Đồn	0,37				Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 03/01/2022 của HĐND phường Ba Đồn phê duyệt chủ trương đầu tư (Mục IV)
69	Hà tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam đất Quy hoạch nhà thờ mới giáo xứ Tân Mỹ, phường Quảng Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	0,49				Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 08/4/2021 của HĐND phường Quảng Phúc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
70	Hà tầng kỹ thuật khu dân cư xóm chợ, TDP Tân Mỹ, phường Quảng Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	0,45				Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND phường Quảng Phúc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
71	Xây dựng trụ sở UBND phường Quảng Long	Quảng Long	Ba Đồn	1,24				Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 03/01/2021 của HĐND phường Quảng Long về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình năm 2023 trên địa bàn phường Quảng Long. Phụ lục 1
72	Khu đô thị Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	2,01				Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án Khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
V	Huyện Quảng Trạch			19,57				
73	Hoàn thiện hạ tầng tuyến đường nối từ Quốc lộ 1 đi Bầu Sen	Quảng Hưng, Quảng Phương	Quảng Trạch	3,20				Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20/6/2022 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn vốn ngân sách huyện quản lý.
74	Nâng cấp các tuyến đường nội vùng tại thôn Cặp Sơn, xã Cảnh Hóa	Cảnh Hóa	Quảng Trạch	0,36				Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 2/11/2022 của HĐND xã Cảnh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022-2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới
75	Xây dựng bê tông hoá tuyến đường giao thông nông thôn phía Nam Kênh mương Vực Tròn tại thôn Phúc Kiên và thôn Sơn Tùng, xã Quảng Tùng	Quảng Tùng	Quảng Trạch	2,00				Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND xã Quảng Tùng về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025;
76	Trường mầm non Quảng Châu (điểm trường Hòa Lạc)	Quảng Châu	Quảng Trạch	0,17				Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 16/8/2023 của UBND xã Quảng Châu về danh mục các công trình, dự án đầu tư công trung hạn xã Quảng Châu giai đoạn 2023-2025 để đưa vào kế hoạch sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
77	Trường trung học cơ sở Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0,24			0,24	Ngành quyết số 16/NQ-HĐND ngày 16/8/2023 của UBND xã Quảng Châu về danh mục các công trình, dự án đầu tư công trung hạn xã Quảng Châu giai đoạn 2023-2025 để đưa vào kế hoạch sử dụng đất
78	Xây dựng nhà lớp học 4 phòng 2 tầng và cải tạo các phòng học chức năng, hàng mục phụ trợ Trường mầm non trung tâm xã Quảng Tiến	Quảng Tiến	Quảng Trạch	0,05			0,05	Ngành quyết số 27/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 của HĐND huyện Quảng Trạch về kế hoạch đầu tư công năm 2023 huyện Quảng Trạch (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý).
79	Nhà văn hóa kết hợp nhà vượt lũ thôn Trung Tiến, xã Phú Hòa	Phù Hòa	Quảng Trạch	0,13			0,13	Ngành quyết số 35/NQ-HĐND ngày 20/9/2023 của HĐND xã Phú Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nhà văn hóa kết hợp nhà vượt lũ thôn Trung Tiến, xã Phú Hòa
80	Tạo quỹ đất ở thôn Sơn Tùng, xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0,40			0,40	Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch
81	Tạo quỹ đất ở thôn Tân Châu, xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0,35			0,35	Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch
82	Tạo quỹ đất ở thôn Tùng Giang, thôn Hòa Lạc, xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0,23			0,23	Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 9/11/2023 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch
83	Khu xen cư thôn Minh Sơn, xã Quảng đồ ng	Quảng đồ ng	Quảng Trạch	0,18			0,18	Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 9/11/2023 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Quảng đồ ng, huyện Quảng Trạch
84	Tạo quỹ đất ở xen cư tại xã Quảng Hợp	Quảng Hợp	Quảng Trạch	0,35			0,35	Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch
85	Đất liê xen cư xã Quảng Xuân (thôn Xuân Kiêu: 0,43 ha; thôn Thanh Lương: 0,33 ha)	Quảng Xuân	Quảng Trạch	0,76			0,76	Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch
86	Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Vực Tròn, tỉnh Quảng Bình	Quảng Châu	Quảng Trạch	11,15			11,15	Quyết định số 2694/QĐ-BNN-TL ngày 4/7/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt dự án thành phần số 06: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Vực Tròn, tỉnh Quảng Bình thuộc dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ đập chứa nước
VI	Huyện Tuyên Hóa			4,77			4,77	/

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
87	Hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Tiến Hòa (giai đoạn 1)	Tiến Hòa	Tuyên Hòa	1,12			1,12	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/7/2023 của HĐND huyện Tuyên Hòa về việc Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đường Phạm Văn Đồng sang dự án Hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Tiến Hòa (giai đoạn 1)
88	Đường bê tông vào khu trồng keo từ Cha Lao đi đường Mỏ xã Thanh Thạch	Thanh Thạch	Tuyên Hòa	0,44			0,44	Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt đầu tư dự án "Cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh QB" do Chính phủ Hàn Quốc viện trợ không hoàn lại
89	Trần địa pháo Bắc Karang	Lâm Hòa	Tuyên Hòa	1,79			1,79	Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND huyện Tuyên Hòa v/v phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng hàng rào khuôn viên, sửa chữa đường lên di tích "Trần địa pháo Bắc Ka Tang";
90	Giáo xứ Minh Tú	Châu Hòa	Tuyên Hòa	0,20			0,20	Công văn số 1978/UBND-KT ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh về việc giới thiệu địa điểm xây dựng.
91	Mở rộng nhà văn hóa thôn Bàu 3	Tiến Hòa	Tuyên Hòa	0,15			0,15	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 25/10/2023 của HĐND xã Tiến Hòa v/v phân bổ nguồn vốn thuộc ngân sách xã để thực hiện các công trình trên địa bàn xã năm 2023 (Đợt 1)
92	Nhà văn hóa thôn Bàu	Tiến Hòa	Tuyên Hòa	0,23			0,23	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND huyện Tuyên Hòa v/v phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện. Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/9/2023 v/v điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.
93	Dự án phát triển quỹ đất khu đất lẹ, xen kẽ tại thôn Lâm Lang	Châu Hòa	Tuyên Hòa	0,37			0,37	Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện Tuyên Hòa v/v giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hòa
94	Dự án phát triển quỹ đất khu đất lẹ, xen kẽ tại thôn Hòa Bình, thôn 4 Thiệt Sơn	Thanh Hòa	Tuyên Hòa	0,47			0,47	Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện Tuyên Hòa v/v giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hòa
Tổng				368,07	53,06	1,75	313,26	

Ghi chú: 157 công trình, dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng

✓

Phụ lục 2

BỘ SƯNG DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
(không thuộc trường hợp thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013)

(Kèm theo Tờ trình số: **2483** /TT-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
1	Huyện Lệ Thủy			2,88	2,39		0,49	
1	Trụ sở công an xã Cam Thủy	Cam Thủy	Lệ Thủy	0,18	0,06		0,12	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
2	Trụ sở công an xã Dương Thủy	Dương Thủy	Lệ Thủy	0,23	0,23			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
3	Trụ sở công an xã Hoa Thủy	Hoa Thủy	Lệ Thủy	0,26	0,24		0,02	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
4	Trụ sở công an xã Hưng Thủy	Hưng Thủy	Lệ Thủy	0,23	0,23			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
5	Trụ sở công an xã Liên Thủy	Liên Thủy	Lệ Thủy	0,35	0,35			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
6	Trụ sở công an xã Mỹ Thủy	Mỹ Thủy	Lệ Thủy	0,22	0,22			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
7	Trụ sở công an xã Phú Thủy	Phú Thủy	Lệ Thủy	0,30	0,30			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
8	Trụ sở công an xã Tân Thủy	Tân Thủy	Lệ Thủy	0,30	0,28		0,02	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
9	Trụ sở công an xã Thái Thủy	Thái Thủy	Lệ Thủy	0,31	0,10		0,21	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
10	Trụ sở công an xã Thanh Thủy	Thanh Thủy	Lệ Thủy	0,22	0,12		0,10	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
I	Trụ sở công an xã Xuân Thủy	Xuân Thủy	Lê Thủy	0,28	0,26		0,02	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
II	Huyện Quảng Ninh			0,61	0,41		0,20	
12	Trụ sở Công an xã Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0,21	0,20		0,01	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư các Công trình, dự án sử dụng ngân sách huyện (giai đoạn 2023-2025)
13	Trụ sở Công an xã Hàm Ninh	Hàm Ninh	Quảng Ninh	0,20	0,20			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
14	Trụ sở Công an xã Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	0,20	0,01		0,19	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
III	Huyện Bố Trạch			1,23	0,90		0,33	
15	Trụ sở công an xã Phúc Trạch	Phúc Trạch	Bố Trạch	0,27	0,26		0,01	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
16	Trụ sở công an xã Bắc Trạch	Bắc Trạch	Bố Trạch	0,28	0,28			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
17	Trụ sở công an xã Vạn Trạch	Vạn Trạch	Bố Trạch	0,27	0,02		0,25	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
18	Văn phòng làm việc, kết hợp trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng Trường Hưng	Trung Trạch, Đại Trạch	Bố Trạch	0,41	0,34		0,07	Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
IV	Thị xã Ba Đồn			0,45	0,44		0,01	
19	Trụ sở công an xã Quảng Lộc	Quảng Lộc	Ba Đồn	0,15	0,15			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
20	Trụ sở công an xã Quảng Sơn	Quảng Sơn	Ba Đồn	0,15	0,14		0,01	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
21	Trụ sở công an xã Quảng Trung	Quảng Trung	Ba Đồn	0,15	0,15			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
V	Huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch		0,35	0,25		0,10	
22	Trụ sở công an xã Quảng Phương	Quảng Phương	Quảng Trạch	0,35	0,25		0,10	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
VI	Huyện Tuyên Hoá	Tuyên Hoá		0,20	0,20			
23	Trụ sở công an xã Thanh Hóa	Thanh Hóa	Tuyên Hóa	0,20	0,20			Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành đề án "Đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"
Tổng cộng: 23 dự án				5,72	4,59		1,13	

Ghi chú: 23 dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Tờ trình số: **2483** /TT-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
1	Điều chỉnh 08 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Đã phê duyệt		22,87	9,92		12,95	
		Nay điều chỉnh		23,27	10,26		13,01	
1	Cơ sở thu mua, chế biến nông sản và dịch vụ tổng hợp, của Hợp tác xã dịch vụ thương mại tổng hợp Yên Mậu	Đã phê duyệt	Liên Trường	0,72	0,58		0,14	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Liên Trường	0,78	0,75		0,03	
2	Khu tiểu thủ công nghiệp tại phường Quảng Thọ	Đã phê duyệt	Quảng Thọ	20,20	8,98		11,22	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND thị xã Ba Đồn v.v phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các công trình nhóm C và dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn thị xã Ba Đồn
		Nay điều chỉnh	Quảng Thọ	19,75	8,98		10,77	
3	Mở rộng khuôn viên hàng rào cơ sở 1 trường mầm non xã Đồng Trạch	Đã phê duyệt	Đồng Trạch	0,05			0,05	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Đồng Trạch	0,15	0,15			
4	Trạm kiểm lâm Khe Gát	Đã phê duyệt	Xuân Trạch	0,21			0,21	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Xuân Trạch	0,24			0,24	
5	Xây dựng mới khu trung tâm vui chơi và thể thao xã Đồng Trạch	Đã phê duyệt	Đồng Trạch	0,25			0,25	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Đồng Trạch	0,30			0,30	
6	Đất ở nông thôn xã Hoa Thủy	Đã phê duyệt	Hoa Thủy	0,38	0,36		0,02	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Hoa Thủy	0,43	0,38		0,05	
7	Mở rộng Trường Mầm non trung tâm xã Hưng Thủy	Đã phê duyệt	Hưng Thủy	0,15			0,15	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Hưng Thủy	0,18			0,18	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án			Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Các loại đất khác	Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ			
8	Kè chống sạt lở bờ suối đoạn qua tại Tiểu khu 2, 5 thị trấn Quy Đạt	Đã phê duyệt	Quy Đạt	Minh Hóa	0,91			0,91	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình	
		Nay điều chỉnh	Quy Đạt	Minh Hóa	1,44			1,44		
II	Điều chỉnh 23 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	Đã phê duyệt			30,67	2,66	2,03	25,98		
		Nay điều chỉnh			37,45	4,14	0,90	32,41		
1	Xây dựng Quảng trường biển thị xã Ba Đồn	Đã phê duyệt	Quảng Thọ	Ba Đồn	5,20		2,03	3,17	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình	
		Nay điều chỉnh	Quảng Thọ	Ba Đồn	6,04		0,90	5,14		
2	Trạm y tế xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0,16			0,16	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình	
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0,25			0,25		
3	Trường Mầm non xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0,38			0,37	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình	
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0,46			0,01		
4	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu dân cư vùng dưới Ông Cừ, Phần Tư và phần Hới Ngoài, thôn Văn Đông, xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0,21			0,21	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình	
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0,66			0,66		
5	HTKT Quy hoạch chi tiết Điểm dân cư khu vực dưới Hội thôn Văn Bắc, xã Quảng Hải	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0,50	0,16		0,34	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình	
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0,87	0,23		0,64		
6	Quy hoạch Chi tiết Khu dân cư khu vực dưới Quý, dưới Cường thôn Văn Trung, xã Quảng Hải	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0,50			0,50	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình	
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0,56	0,02		0,54		
7	Hà tàng kỹ thuật khu ở mới thôn Tiên Xuân, xã Quảng Tiên (Giai đoạn I)	Đã phê duyệt	Quảng Tiên	Ba Đồn	2,44	0,39		2,05	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình	
		Nay điều chỉnh	Quảng Tiên	Ba Đồn	3,04	0,39		2,65		

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án			Trong đó			Ghi chú					
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện	Diện tích đất thực hiện dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác						
8	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Tân Sơn, xã Trường Sơn	Trường Sơn	Quảng Ninh	0,48			0,48	Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư phát triển quỹ đất tại thôn Tân Sơn xã Trường Sơn; Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư để thực hiện xây dựng khu tái định cư, dân cư thôn Tân Sơn					
									Nay điều chỉnh	Quảng Ninh	0,48		
9	Tuyến đường từ trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh huyện Bố Trạch	Tây Trạch, Hòa Trạch	Bố Trạch	2,88	0,55		2,33	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình					
									Đã phê duyệt	Bố Trạch	2,96	0,55	2,41
									Nay điều chỉnh	Bố Trạch	1,93		1,93
10	Xây dựng tuyến giao thông kết nối đường Hồ Chí Minh vào Trung tâm thị trấn Nông Trường Việt Trung	Thị trấn NTVT	Bố Trạch	2,07			2,07	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình					
									Đã phê duyệt	Bố Trạch	3,61	0,16	3,45
									Nay điều chỉnh	Bố Trạch	2,07		2,07
11	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đi Tây Trạch	Hòa Trạch, Tây Trạch	Bố Trạch	3,84	0,14		3,70	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình					
									Đã phê duyệt	Bố Trạch	3,84	0,14	3,70
									Nay điều chỉnh	Bố Trạch	3,84		3,84
12	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Sơn Lộc, Vạn Trạch	Bố Trạch	3,99	0,07		3,92	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình					
									Đã phê duyệt	Bố Trạch	3,99	0,03	3,81
									Nay điều chỉnh	Bố Trạch	3,99		3,92
13	Sửa chữa, nâng cấp hồ Bầu Trưng xã Cư Năm	Cư Năm	Bố Trạch	1,35	0,01		1,34	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình					
									Đã phê duyệt	Bố Trạch	1,35	0,01	1,34
									Nay điều chỉnh	Bố Trạch	1,35		1,37
14	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 2 Đồng Trạch	Đồng Trạch	Bố Trạch	0,15	0,15		0,11	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình					
									Đã phê duyệt	Bố Trạch	0,15	0,15	0,11
									Nay điều chỉnh	Bố Trạch	0,15		0,15
15	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 3 Đồng Trạch	Đồng Trạch	Bố Trạch	0,06			0,06	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình					
									Đã phê duyệt	Bố Trạch	0,06		0,06
									Nay điều chỉnh	Bố Trạch	0,06		0,06
16	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 4 Đồng Trạch	Đồng Trạch	Bố Trạch	0,18			0,18	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình					
									Đã phê duyệt	Bố Trạch	0,18		0,18
									Nay điều chỉnh	Bố Trạch	0,18	0,17	0,02

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án			Trong đó				Chi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện	Diện tích đất thực hiện dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
17	Khu tái định cư khu vực thôn Tân Hội xã Liên Trạch (phục vụ GPMB dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Liên Trạch	Bố Trạch	1,01	0,80		0,21	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Liên Trạch	Bố Trạch	1,04	0,80		0,24	
18	Tái định cư khi GPMB thực hiện công trình đường từ TL 561 đi Cầu sông trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Đã phê duyệt	TT Hoàn Lão, Tây Trạch	Bố Trạch	0,26			0,26	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	TT Hoàn Lão, Tây Trạch	Bố Trạch	0,28			0,28	
19	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Đã phê duyệt	TT Quy Đạt	Minh Hóa	0,53			0,53	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	TT Quy Đạt	Minh Hóa	0,84			0,84	
20	Cầu vượt lư Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Đã phê duyệt	Minh Hóa	Minh Hóa	0,81			0,81	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Minh Hóa	Minh Hóa	0,87	0,01		0,86	
21	Đầu tư xây dựng Tuyến đường xã Yên Hòa	Đã phê duyệt	Yên Hòa	Minh Hóa	1,25	0,2		1,05	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Yên Hòa	Minh Hóa	3,10	0,05		3,05	
22	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Đã phê duyệt	TT Quy Đạt	Minh Hóa	1,95	0,1		1,85	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	TT Quy Đạt	Minh Hóa	2,22	0,6		1,62	
23	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng dân Trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Đã phê duyệt	TT Quy Đạt	Minh Hóa	1,03	0,25		0,78	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	TT Quy Đạt	Minh Hóa	2,01	0,35		1,66	
111	Điều chỉnh 03 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022	Đã phê duyệt		2,93	2,80		0,13		
		Nay điều chỉnh		3,81	2,40		1,41		
1	Đất ở nông thôn xã Cam Thủy (thôn Mỹ Duyệt)	Đã phê duyệt	Cam Thủy	Lệ Thủy	0,39	0,34		0,05	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Cam Thủy	Lệ Thủy	0,39	0,39			

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ UBND xã Sơn Lộc đi tỉnh lộ 561	Đã phê duyệt	Vạn Trạch, Sơn Lộc	1,03	0,95		0,08	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Vạn Trạch, Sơn Lộc	1,87	0,85		1,02	
3	Khu tái định cư khu vực thôn Phú Hữu, xã Liên Trạch ((phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Liên Trạch	1,51	1,51			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Liên Trạch	1,55	1,16		0,39	
IV	Điều chỉnh 02 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 24/03/2023	Đã phê duyệt	Cư Năm	0,50			0,50	Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Cư Năm	0,55			0,55	
1	Nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cư Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cư Năm	1,68	0,35		1,33	Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 24/03/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Cư Năm	1,79	0,37		1,42	
V	Điều chỉnh 02 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/07/2023	Đã phê duyệt	Xuân Ninh, Hàm Ninh, Hiền Ninh, Vạn Ninh, Vĩnh Ninh, An Ninh	1,31	0,12		1,19	Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/07/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Xuân Ninh, Hàm Ninh, Hiền Ninh, Vạn Ninh, Vĩnh Ninh, An Ninh	1,49	0,03		1,46	
1	Di dời đường điện, viễn thông phục vụ GPMB xây dựng Dự án đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn Bùng-Vạn Ninh (đoạn đi qua địa phận huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình)	Đã phê duyệt	Xuân Ninh, Hàm Ninh, Hiền Ninh, Vạn Ninh, Vĩnh Ninh, An Ninh	0,90	0,12		0,78	Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/07/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Xuân Ninh, Hàm Ninh, Hiền Ninh, Vạn Ninh, Vĩnh Ninh, An Ninh	1,05	0,03		1,02	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Các loại đất khác	Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ			
2	Tái định cư khu vực thôn Đông Sơn, xã Cự Năm (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	0,41			0,41	Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/07/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình	
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	0,44			0,44		
VI	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 2/10/2023	Đã phê duyệt		0,88			0,88		
		Nay điều chỉnh		0,91			0,91		
1	Trường tiểu học số 2 Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	0,88			0,88	Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 2/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình	
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	0,91			0,91		
Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI): 39 dự án		Đã phê duyệt		60,84	15,85	2,03	42,96		
		Nay điều chỉnh		69,27	17,20	0,90	51,17		

Ghi chú: 39 công trình, dự án điều chỉnh không có diện tích đất rừng đặc dụng

Phụ lục 4

DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ THÔNG QUA TÀI CÁC NGHỊ QUYẾT THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,

ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SAU 03 NĂM CHƯA THỰC HIỆN HOÀN THÀNH NAY TIẾP TỤC THỰC HIỆN

(Kèm theo Tờ trình số: **2483** /TT-UBND ngày **01** tháng **12** năm **2023** của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyên mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ								
1	Huyện Lệ Thủy			225,70	14,90	15,48	195,32	
1	Tuyến đường ven biển (phần diện tích còn lại)	Các xã, phường	Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy, thị xã Ba Đồn và TP Đồn Hới	214,92	6,22	15,48	193,22	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
2	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110KV TBA 110KV Đồn Hới - Lệ Thủy (phần diện tích còn lại)	Các xã, phường	Lệ Thủy, Đồn Hới	1,08	0,69		0,39	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
3	Dự án đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 1A đến khu di tích chiến thắng Xuân Bồ kết nối khu du lịch và khu tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn I) (phần diện tích còn lại)	Dương Thủy, Hưng Thủy, Mỹ Thủy, Tân Thủy	Lệ Thủy	8,53	6,82		1,71	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
4	Dự án TBA 110KV Cam Liên và đầu nối (phần diện tích còn lại)	Cam Thủy, Dương Thủy, Hưng Thủy, Mỹ Thủy, Ngự Thủy, Bắc, Tân Thủy, Thanh Thủy, Xuân Thủy	Lệ Thủy	0,43	0,43			Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
5	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy (phần diện tích còn lại)	Phong Thủy	Lệ Thủy	0,74	0,74		0,00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
II	Huyện Quảng Ninh			1,38	0,41		0,97	
6	Cải tạo và phát triển lưới điện trung áp khu vực huyện lỵ, thị xã, thành phố của tỉnh Quảng Bình (phần diện tích còn lại)	Các xã, phường	Quảng Ninh, Đồng Hới, Ba Đồn, Quảng Trạch	0,38	0,15		0,23	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
7	Xây dựng HTKT khu dân cư Đồng Hang (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Quận Hàn	Quảng Ninh	1,00	0,26		0,74	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
III	Huyện Bố Trạch			13,52	3,01		10,51	
8	Đường từ tỉnh lộ 561 đi cầu Sông Trức, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	6,23	2,72		3,51	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
9	Hà tầng phát triển quỹ đất ở khu vực ngã ba thị trấn Hoàn Lão (phần diện tích còn lại)	Hoàn Lão, Trung Trạch	Bố Trạch	1,30	0,16		1,14	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
10	Hà tầng kỹ thuật nối quy hoạch khu vực phía Đông ngã ba thị trấn Hoàn Lão ra biển Trung Trạch (diện tích phần còn lại)	Trung Trạch	Bố Trạch	5,99	0,13		5,86	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
IV	Thị xã Ba Đồn			15,92	6,88		9,04	
11	Dự án HTKT dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, xã Quảng Hòa (đợt 2) (phần diện tích còn lại)	Quảng Hòa	Ba Đồn	2,50	1,80		0,70	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
12	Dự án Phát triển quỹ đất tại khu dân cư đồng Cồn Trớt, tổ dân phố Chính Trục, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn (đợt 2) (phần diện tích còn lại)	Ba Đồn, Quảng Long	Ba Đồn	2,15	1,68		0,47	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
13	Dự án HTKT khu trung tâm xã Quảng Hòa (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Quảng Hòa	Ba Đồn	0,99	0,83		0,16	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
14	Dự án HTKT khu QHCT phát triển quỹ đất vùng Đông Bàn, TDP Chính Trực, Phường Quảng Long (phần diện tích còn lại)	Quảng Long	Ba Đồn	1,77	0,81		0,96	Nghị quyết số 20/NQ-HBND ngày 13/8/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
15	Dự án Phát triển quỹ đất khu dân cư phía sau trụ sở UBND phường Quảng Thọ (phần diện tích còn lại)	Quảng Thọ	Ba Đồn	3,54	1,21		2,33	Nghị quyết số 20/NQ-HBND ngày 13/8/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
16	Dự án Khu dân cư và đường Lý Thường Kiệt đoạn qua phường Quảng Thuận (phần diện tích còn lại)	Quảng Thuận	Ba Đồn	4,97	0,55		4,42	Nghị quyết số 20/NQ-HBND ngày 13/8/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
V	Huyện Quảng Trạch			13,09	7,45		5,64	
17	Nâng cấp, sửa chữa khán cấp đập hồ Khe Chũ xã Cảnh Hóa, huyện Quảng Trạch (phần diện tích còn lại)	Cảnh Hóa	Quảng Trạch	1,37	0,01		1,36	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
18	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu dân cư thôn Nam Lành, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch (đợt 2) (phần diện tích còn lại)	Quảng Phú	Quảng Trạch	0,90	0,46		0,44	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
19	Hạ tầng khu dân cư phía Tây kênh Xuân Hưng, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Quảng Tùng	Quảng Trạch	4,38	2,25		2,13	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
20	Hạ tầng kết nối giao thông tuyến chính từ đường liên xã Long-Phước-Lưu kết nối các trục đường vào Trung tâm huyện (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Quảng Phương	Quảng Trạch	6,44	4,73		1,71	Nghị quyết số 20/NQ-HBND ngày 13/8/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
VI	Huyện Tuyên Hóa			1,87	0,18		1,69	
21	Đường giao thông liên xã phía Tây thị trấn (giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Đông Lê	Tuyên Hóa	1,25	0,07		1,18	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
22	Phát triển quỹ đất ở tiểu khu Đông Văn (phần diện tích còn lại)	Đông Lê	Tuyên Hóa	0,27	0,06		0,21	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
23	Phát triển quỹ đất ở tiểu khu Tam Đông (giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Đông Lê	Tuyên Hóa	0,35	0,05		0,30	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án			Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
VII	Huyện Minh Hóa			3,24	0,03		3,21	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
24	Tuyến đường Hồng Hóa - Yên Hóa - TT Quy Đạt (giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Quy Đạt, Yên Hóa, Quy Hóa	Minh Hóa	3,24	0,03		3,21	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
VIII	Thành phố Đồng Hới			19,44	10,05		9,39		
25	Dự án Tạo quỹ đất ở khu vực Đồng Bình Bản (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh	Đồng Hới	2,40	0,82		1,58	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
26	HTKT phát triển khu đất ở mới thôn Đức Phong, xã Đức Ninh (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh	Đồng Hới	0,90	0,79		0,11	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
27	Tạo quỹ đất KDC Đức Sơn phía Tây Bắc Nguyễn Đăng Giai, xã Đức Ninh (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh	Đồng Hới	2,90	2,41		0,49	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
28	Tạo quỹ đất Khu dân cư Đức Sơn, phía Tây Bắc đường Lê Lợi, xã Đức Ninh (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh	Đồng Hới	1,07	0,60		0,47	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
29	Tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh (phần diện tích còn lại)	Lộc Ninh	Đồng Hới	1,80	0,50		1,30	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
30	Tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông đường Phùng Hưng, phường Đồng Phú (phần diện tích còn lại)	Đồng Phú, Hải Thành	Đồng Hới	3,52	1,40		2,12	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
31	HTKT khu dân cư TDP9 (giai đoạn 2), phường Bắc Lý (phần diện tích còn lại)	Bắc Lý	Đồng Hới	1,99	1,09		0,90	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
32	HTKT khu dân cư TDP9, phường Bắc Lý (phần diện tích còn lại)	Bắc Lý	Đồng Hới	1,69	0,54		1,15	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
33	HTKT khu đất ở TDP 10, phường Bắc Lý (phần diện tích còn lại)	Bắc Lý	Đồng Hới	1,24	0,73		0,51	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
34	Khu dân cư phía Tây đường Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới (phần mở rộng về phía Đông) (phần diện tích còn lại)	Bắc Lý	Đồng Hới	1,10	0,60		0,50	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
35	Tạo quỹ đất khu dân cư phía Bắc đường Lê Lợi, phường Bắc Nghĩa (phần mở rộng, bổ sung) (phần diện tích còn lại)	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	0,80	0,55		0,25	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
36	Khu dân cư Đông Nam đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	0,01	0,01		0,00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
37	Hà tầng Công viên vui chơi giải trí thuộc Khu Công viên Cầu Rào, thành phố Đồng Hới (phần diện tích còn lại)	Nam Lý	Đồng Hới	0,02	0,01		0,01	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)								
I	Huyện Lệ Thủy			90,44			90,44	
1	Dự án Đường nối từ Quốc lộ 1A đến quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc (Đợt 2) (phần diện tích còn lại)	Các xã: Cam Thủy, Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	6,42			6,42	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
2	Dự án khai thác quặng Titan sa khoáng tại Ngư Thủy và Sen Thủy (phần diện tích còn lại)	Các xã: Ngư Thủy, Sen Thủy	Lệ Thủy	84,02			84,02	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
II	Huyện Quảng Ninh			0,03			0,03	
3	Khu nhà ở thương mại Đá Lả, thị trấn Quán Hâu (phần diện tích còn lại)	TT Quán Hâu	Quảng Ninh	0,03			0,03	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
III	Huyện Bố Trạch			3,21			3,21	
4	Năng cấp mở rộng khu đi tích ga Bố Trạch (phần diện tích còn lại)	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0,04			0,04	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
5	Đầu tư khai thác Quặng đất Phát triển kết cấu hạ tầng Khu vực thôn Nam Đức, xã Đức Trạch (phần diện tích còn lại)	Các xã: Đức Trạch, Đông Trạch	Bố Trạch	0,50			0,50	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
6	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại khu vực phía Nam sông Phương Bùn, thị trấn Hoàn Lão (phần diện tích còn lại)	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	2,67			2,67	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
IV	Thị xã Ba Đồn			3,41			3,41	
7	Dự án Diêm dân cư khu vực vườn Phụ Lão, thôn Thượng Thôn, xã Quảng Trung (phần diện tích thu hồi còn lại)	Quảng Trung	Ba Đồn	0,25			0,25	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
8	Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương, phường Ba Đồn (giai đoạn 1- Đợt 3) (phần diện tích còn lại)	Ba Đồn	Ba Đồn	3,16			3,16	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
V	Huyện Minh Hóa			1,35			1,35	
9	Tuyến đường từ xã Yên Hòa đi xã Quy Hóa, huyện Minh Hóa (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Yên Hòa	Minh Hóa	0,30			0,30	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
10	Vĩa hệ, hạ tầng kỹ thuật đường QL 12A phía Nam thị trấn Quy Đạt (từ trường THPT Minh Hóa đến đoạn tiếp giáp xã Minh Hóa) giai đoạn 1 (phần diện tích còn lại)	Quy Đạt	Minh Hóa	0,10			0,10	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
11	Tuyến đường dây 110KV từ nhà máy thủy điện La Trơng đầu nối vào hệ thống điện Quốc gia thuộc dự án thủy điện La Trơng (phần diện tích còn lại)	Các xã: Trơng Hòa, Hòa Thanh, Hòa Tiến, Hòa Phúc, Hồng Hóa	Minh Hóa	0,95			0,95	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
VI	Thành phố Đồng Hới			15,09			15,09	
12	Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông, đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phần (phần diện tích còn lại)	Bắc Lý, Lộc Ninh	Đồng Hới	0,04			0,04	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
13	Dự án Tạo quỹ đất Khu đô thị Sa Động, xã Bảo Ninh (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Bảo Ninh	Đồng Hới	0,10			0,10	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
14	HTKT Khu đất ở xã Đức Ninh (Đợt 2) (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh	Đồng Hới	0,24			0,24	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
15	Tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông đường Hà Huy Tập, tổ dân phố 6, phường Bắc Nghĩa (phần diện tích còn lại)	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	0,03			0,03	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
16	HTKT Khu dân cư ven sông Lệ Kỳ, dọc theo tuyến đường 36m (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	1,40			1,40	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
17	Khu đô thị mới Phú Hải (phần diện tích còn lại)	Phú Hải	Đồng Hới	0,07			0,07	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
18	Khu đô thị Nam Cầu Dai (phần diện tích còn lại)	Phú Hải	Đồng Hới	13,21			13,21	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
C. CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ,								
ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG								
I	Huyện Bố Trạch			4,50	2,44		2,06	
1	Khu hạ tầng du lịch Phong Nha của Công ty TNHH Du lịch sinh thái Phong Nha - Kẻ Bàng (phần diện tích còn lại)	TT Phong Nha	Bố Trạch	4,50	2,44		2,06	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
				412,19	45,35	15,48	351,36	
Tổng cộng: 56 dự án								

Ghi chú: 56 dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng

Phụ lục 5

DANH MỤC DỰ ÁN ĐÁ THÔNG QUA TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SAU 03 NĂM CHƯA THỰC HIỆN NAY TIẾP TỤC THỰC HIỆN

(Kèm theo Tờ trình số: **2483** /TT-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ								
I	Huyện Lệ Thủy			52,68	43,09	0,00	9,59	
1	Dường nói từ Quốc lộ 1A đến nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, huyện Lệ Thủy	Lộc Thủy, Phong Thủy	Lệ Thủy	4,85	3,92		0,93	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
2	Xây dựng Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 1)	Lộc Thủy	Lệ Thủy	3,50	2,33		1,17	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
3	Dự án Khu đô thị dọc 2 bên Quốc lộ 9C	Mai Thủy, Xuân Thủy	Lệ Thủy	9,97	9,22		0,75	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
4	Phát triển quỹ đất để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại xã Liên Thủy	Liên Thủy	Lệ Thủy	5,50	5,00		0,50	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
5	Dự án Khu dân cư thôn Thanh Mỹ, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy (Giai đoạn 1)	Thanh Thủy	Lệ Thủy	4,93	4,20		0,73	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
6	Dự án Khu dân cư thôn Phan Xá, xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy	Xuân Thủy	Lệ Thủy	11,10	9,60		1,50	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
7	Khu đô thị Kiến Giang 1, huyện Lệ Thủy	TT Kiến Giang	Lệ Thủy	8,87	8,17		0,70	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
8	Cầu Lộc Thủy - An Thủy và Đường hai đầu cầu	An Thủy, Lộc Thủy	Lệ Thủy	3,96	0,65		3,31	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
II	Huyện Quảng Ninh			12,32	3,01		9,31	
9	Khu đô thị ven sông Rào Bạc	Võ Ninh	Quảng Ninh	9,80	2,50		7,30	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
10	Tạo quỹ đất lè xen kẽ khu dân cư thị trấn Quán Hâu	Quán Hâu	Quảng Ninh	0,50	0,48		0,02	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
11	Di dời khẩn cấp hệ dẫn bản Sắt xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao (Khu tái định cư tránh sạt lở bản Sắt)	Trường Sơn	Quảng Ninh	2,02	0,03		1,99	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
III	Huyện Bố Trạch			76,25	48,55		27,70	
12	Trạm biến áp 110kV Bố Trạch và Đầu nối	Sơn Lộc, Vạn Trạch, Cự Năm, Hải Phú	Bố Trạch	0,62	0,03		0,59	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
13	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110kV Bố Trạch	Thanh Trạch, Cự Năm, Hưng Trạch	Bố Trạch	0,22	0,03		0,19	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
14	Khu đô thị Đại Trung	Đại Trạch, Trung Trạch	Bố Trạch	14,29	9,96		4,33	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
15	Khu đô thị Phục Tự Tây	Đại Trạch	Bố Trạch	20,50	9,63		10,87	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
16	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực cây xăng Đông Trạch	Đông Trạch	Bố Trạch	5,19	4,67		0,52	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
17	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực thôn Nam Lộc, xã Vạn Trạch	Vạn Trạch	Bố Trạch	4,93	4,23		0,70	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
18	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực chợ Trung Trạch	Trung Trạch	Bố Trạch	5,45	2,21		3,24	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
19	Khai thác quỹ đất khu vực thôn I xã Hạ Trạch	Hạ Trạch	Bố Trạch	1,07	0,83		0,24	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
20	Đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Bắc tỉnh lộ 561, đoạn từ tỉnh lộ 561 đi ban chỉ huy quân sự huyện Bố Trạch	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	9,59	8,16		1,43	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án			Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện	Diện tích đất thực hiện dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
21	Đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết hạ tầng khu vực phía Nam chi nhánh làm trường rừng thông Bồ Trạch	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	4,93	3,01		1,92	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
22	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại khu vực thôn Xuân Tiến	TT Phong Nha	Bố Trạch	5,90	3,38		2,52	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
23	Dự án tạo quỹ đất ở khu vực thôn Quý Thuận, xã Hải Phú	Hải Phú	Bố Trạch	1,02	0,44		0,58	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
24	Đường Giao thông nông thôn từ QL. 15A đi trụ sở xã Cự Năm	Cự Năm	Bố Trạch	2,36	1,79		0,57	Nghị quyết 31/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
25	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 1 Đông Trạch	Đông Trạch	Bố Trạch	0,18	0,18		0,00	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
IV	Thị xã Ba Đồn			53,93	28,19		25,74	
26	Tuyến đường trục chính Quốc lộ 12A đi vùng Nam, đoạn từ xã Quảng Lộc đi cụm trung tâm các xã vùng Nam	Quảng Hòa, Quảng Sơn	Ba Đồn	8,60	6,08		2,52	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
27	Sân vận động phường Quảng Phong	Quảng Phong	Ba Đồn	1,87	1,70		0,17	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
28	Dự án HTKT Khu trung tâm xã Quảng Hòa (Giai đoạn 2)	Quảng Hòa	Ba Đồn	4,50	2,63		1,87	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
29	Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Bắc tuyến đường tỉnh lộ 559B, xã Quảng Sơn (Giai đoạn 1)	Quảng Sơn	Ba Đồn	4,90	3,62		1,28	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
30	Dự án Khu dân cư phía Đông TDP Tân Xuân, phường Quảng Phong	Quảng Phong	Ba Đồn	5,24	0,21		5,03	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
31	Dự án Phát triển quỹ đất khu dân cư TDP 1, phường Quảng Phong	Quảng Phong	Ba Đồn	1,84	1,45		0,39	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
32	Dự án HTKT Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Quảng Thọ	Quảng Thọ	Ba Đồn	15,32	10,43		4,89	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
33	Đường giao thông liên tổ dân phố 6 - 7 phường Quảng Phong	Quảng Phong	Ba Đồn	1,16	0,60		0,56	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
34	HTKT Khu dân cư phía Nam đường Quang Trung, phường Quảng Thọ	Quảng Thọ	Ba Đồn	10,50	1,47		9,03	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
V	Huyện Quảng Trạch			68,15	17,39		50,76	
35	Mở rộng khuôn viên Nhà thờ Giáo xứ Chợ Sàng, xã Liên Trường	Liên Trường	Quảng Trạch	0,35	0,17		0,18	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
36	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch khu dân cư thôn Minh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch	Quảng Đông	Quảng Trạch	5,14	4,06		1,08	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
37	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới Quảng Trạch xã Quảng Hưng	Quảng Hưng	Quảng Trạch	40,40	1,40		39,00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
38	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Quy hoạch chi tiết Khu dân cư phía Tây thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương (Giải đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	5,05	3,77		1,28	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
39	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết Khu vực thuộc trung tâm xã tại thôn Phú Ninh xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch	Quảng Thanh	Quảng Trạch	2,21	1,89		0,32	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
40	Xây dựng Hạ tầng kết nối giao thông từ Trung tâm huyện Quảng Trạch đến Quốc lộ 12A	Liên Trường, Quảng Phương	Quảng Trạch	15,00	6,10		8,90	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
VI	Thành phố Đồng Hới			100,28	64,51		35,77	
41	Mở rộng trụ sở công an phường Đức Ninh Đông	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	0,06	0,06			Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
42	Trụ sở công an xã Đức Ninh	Đức Ninh	Đồng Hới	0,27	0,26		0,01	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
43	Trụ sở Công an xã Nghĩa Ninh	Nghĩa Ninh	Đồng Hới	0,26	0,26			Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án			Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện	Diện tích đất thực hiện dự án	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
44	Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới và các tuyến đường phụ cận trong khu vực	Đồng Phú, Lộc Ninh	Đồng Hới	8,66	5,03		3,63	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
45	Khu đô thị Erowindow Grand City	Đồng Phú	Đồng Hới	1,50	1,00		0,50	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
46	Trung tâm văn hoá thể thao thành phố Đồng Hới	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	6,12	5,96		0,16	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
47	Trung tâm văn hóa Phường Phú Hải	Phú Hải	Đồng Hới	0,65	0,57		0,08	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
48	Khu vui chơi thể thao phường Phú Hải	Phú Hải	Đồng Hới	1,96	1,82		0,14	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
49	Tạo quỹ đất ở khu vực đồng Bàu Miếu	Đức Ninh	Đồng Hới	5,49	4,70		0,79	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
50	Khu dân cư phía Tây Hưu Nghi, thành phố Đồng Hới (phần mở rộng về phía Nam và bổ sung hồ điều hoà)	Bắc Lý	Đồng Hới	0,30	0,10		0,20	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
51	Tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Lý Thái Tổ, phường Bắc Nghĩa	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	4,50	3,80		0,70	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
52	Khu đô thị sinh thái phía Tây Bắc sông Lệ Kỳ	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	6,00	2,00		4,00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
53	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam đường Tạ Quang Bửu, phường Nam Lý	Nam Lý	Đồng Hới	7,30	4,00		3,30	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
54	Dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở Đồng Hới tại đường Hưu Nghi, thành phố Đồng Hới (Dự án Đồng Hới Complex)	Nam Lý	Đồng Hới	5,82	1,99		3,83	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
55	HTKT khu đất ở TDP Diêm Hải, phường Phú Hải	Phú Hải	Đồng Hới	3,30	3,20		0,10	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
56	Nhà thực lực lượng dân quân thường trực phường Đức Ninh Đông	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	0,11	0,04		0,07	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
57	Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi	Phường Đức Ninh Đông	Đồng Hới	10,60	8,91		1,69	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất rừng phòng hộ	Đất trồng lúa	Các loại đất khác	
58	Khu đô thị trung tâm phía Đông đường Phùng Hưng	Đông Phú	Đông Hới	5,00	4,24		0,76	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
59	Khu đô thị phía Đông Bắc đường Lý Thường Kiệt	Đông Phú	Đông Hới	9,10	2,70		6,40	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
60	Khu đô thị phía Bắc công viên trung tâm thành phố Đông Hới	Đông Phú	Đông Hới	2,70	1,70		1,00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
61	Khu đô thị phía Tây Bắc đường 27m, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đông Hới	Đức Ninh Đông	Đông Hới	8,10	7,40		0,70	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
62	Khu đô thị phía Đông đường Nguyễn Văn Linh 1	Bắc Lý	Đông Hới	3,32	2,05		1,27	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
63	Khu đô thị phía Đông Bắc đường Lý Thường Kiệt-phường Đông Phú	Đông Phú	Đông Hới	9,09	2,70		6,39	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
64	Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110 KV từ TBA 220 KV Đồng Hới - TBA 110 KV Đồng Hới	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	0,07	0,02		0,05	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
VII	Huyện Minh Hóa			142,22		5,69	136,53	
65	Thủy điện La Trông, xã Trông Hóa	Trông Hóa	Minh Hóa	142,22		5,69	136,53	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÔNG LỬA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (Không có các loại đất trong khu vực dự án)								
I	Huyện Lệ Thủy			65,66			65,66	
1	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu phức hợp đô thị mới phía Đông Bắc đường BOT vượt lũ	Các xã: Cam Thủy, Ngự Thủy Bắc	Lệ Thủy	35,00			35,00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
2	Dự án tạo quỹ đất Khu dân cư Gia Hồng, huyện Quảng Ninh - Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Hồng Thủy	Lệ Thủy	10,60			10,60	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
3	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ở lô (XII-OM-5, XII-OM-6) xã Ngự Thủy Bắc	Ngự Thủy Bắc	Lệ Thủy	20,06			20,06	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
II	Huyện Quảng Ninh			38,83			38,83	
4	Khu đô thị cao cấp Quán Hàu	TT Quán Hàu	Quảng Ninh	16,82			16,82	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
5	Khu đô thị phía Nam Đồng Hới	TT Quán Hàu; Lương Ninh	Quảng Ninh	13,69			13,69	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
6	Khu nhà ở thương mại Dình mười III (Giai đoạn 2)	Gia Ninh	Quảng Ninh	4,13			4,13	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
7	Đường nối từ bản Hang Chuồn đi Khe nước lạnh	Trường Xuân	Quảng Ninh	4,19			4,19	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
III	Huyện Bố Trạch			78,10			78,10	
8	Khu đô thị Quang Phú (phần thuộc huyện Bố Trạch)	Lý Trạch	Bố Trạch	5,27			5,27	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
9	Khu đô thị Lý Trạch	Lý Trạch	Bố Trạch	19,94			19,94	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
10	Khu đô thị mới Lý Nhân	Lý Trạch	Bố Trạch	38,75			38,75	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
11	Khu nhà ở thương mại xã Thanh Trạch	Thanh Trạch	Bố Trạch	0,94			0,94	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
12	Tạo quỹ đất ở thôn Xuân Sơn	TT Phong Nha	Bố Trạch	4,00			4,00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
13	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Nam chợ Ga Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	4,20			4,20	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
14	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc xã Xuân Trạch	Xuân Trạch	Bố Trạch	0,33			0,33	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
15	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 5 Đông Trạch	Đông Trạch	Bố Trạch	0,16			0,16	Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
16	Nghĩa trang nhân dân xã Bắc Trạch	Bắc Trạch	Bố Trạch	4,51			4,51	Nghị quyết 31/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
IV	Thị xã Ba Đồn			173,97			173,97	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
17	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Bắc sông Gianh, phường Quảng Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	60,00			60,00	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
18	Đường từ ngã tư Quảng Thọ ra Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn (Đường Võ Nguyên Giáp)	Quảng Thọ	Ba Đồn	5,77			5,77	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
19	Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương (Giai đoạn 2)	Ba Đồn	Ba Đồn	11,37			11,37	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
20	Dự án HTKT Khu dân cư phía Bắc TDP Trường Sơn, phường Quảng Long	Quảng Long	Ba Đồn	4,80			4,80	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
21	Dự án Khu dân cư phía Bắc phường Quảng Long (Giai đoạn 2)	Quảng Long	Ba Đồn	5,50			5,50	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
22	Khu đô thị phục hợp du lịch nghỉ dưỡng thương mại tại phường Quảng Thọ	Quảng Thọ	Ba Đồn	35,90			35,90	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
23	Dự án Khu đô thị Côn Kết tại phường Quảng Thuận	Quảng Thuận	Ba Đồn	50,20			50,20	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
24	HTKT Khu dân cư Phía Tây chợ Mỹ Hòa, phường Quảng Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	0,43			0,43	Nghị quyết số 178/NQ-HBND ngày 28/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
V	Huyện Quảng Trạch			51,44			51,44	
25	Khu đất ở Đông Hưng, xã Quảng Đông, Khu kinh tế Hòn La	Quảng Đông	Quảng Trạch	13,74			13,74	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
26	Hà tầng kỹ thuật khu quy hoạch khu vực thôn 1 Tú Loan xã Quảng Hưng (Giai đoạn 2)- Khu vực 1	Quảng Hưng	Quảng Trạch	5,10			5,10	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
27	Hà tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (Giai đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	4,86			4,86	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
28	Hà tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông Bắc tuyến đường từ trung tâm huyện đi xã Quảng Lưu (Giai đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	4,96			4,96	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
29	Hà tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông Bắc, Trung tâm huyện Lý huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	4,90			4,90	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình
30	Hà tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây Bắc tuyến đường từ trung tâm huyện đi xã Quảng Lưu (Giai đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	4,96			4,96	Nghị quyết số 173/NQ-HBND ngày 02/4/2021 của HBND tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
31	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây tuyến đường từ thị xã Ba Đồn đi Trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	3,50			3,50	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
32	HTKT khu vực phía Đông Nam trung tâm huyện lỵ Quảng Trạch (giai đoạn 1) xã Quảng Phương	Quảng Phương	Quảng Trạch	4,52			4,52	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
33	Bãi tương niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch	Quảng Phương	Quảng Trạch	4,90			4,90	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
VI	Huyện Tuyên Hóa			0,53			0,53	
34	Nghĩa trang liệt sĩ xã Châu Hóa	Châu Hóa	Tuyên Hóa	0,14			0,14	Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
35	Chợ trung tâm xã	Hương Hóa	Tuyên Hóa	0,39			0,39	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
VIII	Thành phố Đồng Hới			349,60	0,00	0,00	349,60	
36	Nâng cấp, mở rộng Đường Nguyễn Thị Định (Đoạn từ cầu Nhật Lệ II đến nghĩa trang xã Bảo Ninh)	Bảo Ninh	Đồng Hới	3,10			3,10	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
37	Dự án Tạo quỹ đất Khu đô thị Sa Động, xã Bảo Ninh (Phân điều chỉnh, bổ sung dự án theo Quyết định số 890/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 23/3/2018) (Giai đoạn 2)	Bảo Ninh	Đồng Hới	2,00			2,00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
38	HTKT khu dân cư thôn Trung Bình, xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	Đồng Hới	1,25			1,25	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
39	HTKT khu đất ở phía Tây đường 36m, thôn Sa Động, Trung Bình, xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	Đồng Hới	4,40			4,40	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
40	Khu đô thị Bảo Ninh 3	Bảo Ninh	Đồng Hới	16,49			16,49	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
41	Khu đô thị Bảo Ninh 4	Bảo Ninh	Đồng Hới	41,52			41,52	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
42	Khu đô thị Bảo Ninh 5	Bảo Ninh	Đồng Hới	43,28			43,28	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
43	Khu đô thị Bảo Ninh 6	Bảo Ninh	Đồng Hới	41,91			41,91	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
44	Khu đô thị Bảo Ninh 7	Bảo Ninh	Đồng Hới	47,76			47,76	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
45	Khu đô thị Bảo Ninh 8	Bảo Ninh	Đồng Hới	20,24			20,24	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án			Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
46	Khu đô thị Bảo Ninh Xanh (HADALAND Bảo Ninh Green City)	Bảo Ninh	Đồng Hới	26,00			26,00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
47	Khu dân cư phía Tây Nam đường Trương Pháp, xã Quang Phú	Quang Phú	Đồng Hới	6,50			6,50	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
48	Xây dựng điểm dân cư TDP 12, phường Bắc Lý	Bắc Lý	Đồng Hới	0,50			0,50	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
49	HTKT khu dân cư phía Đông Mương Phóng Thuỷ, phường Đông Phú	Đông Phú	Đồng Hới	0,11			0,11	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
50	HTKT đất ở khu vực hồ Nam Lý	Nam Lý	Đồng Hới	0,68			0,68	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
51	Tạo quỹ đất cụm dân cư Tô dân phố 3, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới	Nam Lý	Đồng Hới	1,20			1,20	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình	
52	Khu đô thị Bảo Ninh- Hà Trung	Bảo Ninh	Đồng Hới	26,70			26,70	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)	
53	Khu đô thị Lộc Ninh	Lộc Ninh	Đồng Hới	8,50			8,50	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)	
54	Khu đô thị Quang Phú	Quang Phú	Đồng Hới	9,40			9,40	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)	
55	Khu đô thị Phương Bắc	Bảo Ninh	Đồng Hới	17,70			17,70	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
56	Khu đô thị Bảo Ninh - Cửa Phú	Bảo Ninh	Đồng Hới	18,50			18,50	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên Dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị (tại phụ lục 02 Quyết định số 56/QĐ-UBND)
57	Xây dựng hạ tầng khu dân cư 16 đất CC3 và OC35 thuộc Quy hoạch phân khu phía Bắc xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	Đồng Hới	1,17			1,17	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
58	Đầu tư, mở rộng nâng cấp Cảng hàng không Đồng Hới	Lộc Ninh	Đồng Hới	10,60			10,60	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
59	Mở rộng trụ sở UBND phường Đồng Phú (làm trụ sở BCH quân sự phường)	Đồng Phú	Đồng Hới	0,09			0,09	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
C. CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC DỊCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG								
1	Huyện Bố Trạch			3,53	2,71		0,82	
1	Khu thể thao và dịch vụ tổng hợp của Công ty TNHH Ngọc Hoa BP	Hưng Trạch	Bố Trạch	0,77	0,14		0,63	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
2	Cửa hàng xăng dầu Đức Sơn	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0,27	0,24		0,03	Nghị quyết 178/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
3	Xây dựng tổ hợp nhà hàng, khách sạn Hoa hướng dương - Sunflower	Trung Trạch	Bố Trạch	2,49	2,33		0,16	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
Tổng cộng: 127 dự án				1.267,49	207,45	5,69	1.054,35	

Ghi chú: 127 dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng

Phụ lục 6

DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯA RA KHỎI NGHỊ QUYẾT THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ

(Kèm theo Tờ trình số: 2483 /TT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Đất trồng lúa	Trong đó			Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện			Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
I	Đưa ra 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021			2,01				2,01	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
1	Khu phức hợp Ba Đồn, tại phường Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	2,01				2,01	
II	Đưa ra 06 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022			51,69	28,10			23,59	
1	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 2	Võ Ninh	Quảng Ninh	10,00				10,00	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
2	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 3	Võ Ninh	Quảng Ninh	10,90	7,00			3,90	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
3	Khu nhà ở thương mại phía sau chợ Đức Ninh, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	Đức Ninh	Đồng Hới	10,44	8,11			2,33	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
4	Khu nhà ở thương mại phía Tây đường Lý Nam Đế	Đồng Phú	Đồng Hới	9,60	5,19			4,41	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
5	Khu nhà ở thương mại Phú Xá, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	Lộc Ninh	Đồng Hới	6,45	5,80			0,65	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
6	Khu nhà ở thương mại thôn Lộc Thượng, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy	An Thủy	Lệ Thủy	4,30	2,00			2,30	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
III	Đưa ra 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022			158,96				158,80	
1	Khu đô thị Võ Ninh, huyện Quảng Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	158,96				158,80	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
Tổng cộng: 08 dự án				212,66	28,10	0,16	184,40		

Ghi chú: 08 dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng

BẢNG 01 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN ĐÀ BƯỞC PHÊ DUYỆT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Tờ trình số: 483/TT-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)										Đất rừng phòng hộ (ha)										Đất rừng đặc dụng (ha)		Chỉ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Trong đó										Trong đó										Toàn tỉnh	Trong đó Huyện Lệ Thủy	
		Toàn tỉnh	Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hòa	Huyện Minh Hóa	Toàn tỉnh	Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hòa	Huyện Minh Hóa	Toàn tỉnh	Trong đó Huyện Lệ Thủy			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	3.489,03	542,40	356,96	506,4	1.021,50	533,11	389,19	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03	0		
1.1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh																							
1.2	Chỉ tiêu điều chỉnh do đã được thay đổi địa điểm và số lượng dự án trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt																							
1.3	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện	3.489,03	542,40	356,96	506,4	1.021,50	533,11	389,19	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03	0		
2	Kết quả thực hiện	33,02	1,94	14,31	4,94	2,26	4,59	4,98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0			
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư																							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư																							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	33,02	1,94	14,31	4,94	2,26	4,59	4,98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại																							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện																							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	3.456,01	540,46	342,65	501,46	1.019,24	528,52	384,21	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03			

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c) TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỨC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **1983** /TT-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó					
			Xã Xuân Thủy	TT NT Lệ Ninh	Các xã, thị trấn còn lại	Toàn huyện	Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	542,40	39,77	23,71	478,92	161,59	2,03	Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lệ Thủy
2	Kết quả thực hiện	1,94	0,45	1,49				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	1,94	0,45	1,49				* Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMESDD và giao đất cho UBND xã Xuân Thủy quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy. * Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng dự án cho thuê thực hiện dự án Cửa hàng xăng dầu Lệ Ninh tại TT Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy. * Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng dự án cho thuê thực hiện Dự án trạm kinh doanh xăng dầu kết hợp dịch vụ tổng hợp Lệ Ninh tại thị trấn Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	540,46	39,32	22,22	478,92	161,59	2,03	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c) - TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Tư trình số: **198/TT-UBND** ngày **01** tháng **11** năm **2023** của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)										Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Chi chú (Chi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Trong đó												
		Toàn huyện	Xã Vĩnh Ninh	Xã Lương Ninh	Xã Vạn Ninh	Xã Duy Ninh	Xã An Ninh	thị trấn Quán Hâu	Các xã còn lại	Toàn huyện	Toàn huyện			
1	Chi tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	356,96	22,16	89,33	6,18	8,84	20,90	19,43	190,12	24,04			Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Ninh	
2	Kết quả thực hiện	14,31	0,96	7,10	2,33	0,29	0,28	3,35						
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đầu tư													
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chỉ trong đầu tư													
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất												* Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh quản lý để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Kỹ thuật tạo quỹ đất tại xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh (Đợt 3); Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và cho Công ty xăng dầu Quảng Bình thuê đất để thực hiện dự án đầu tư mở rộng của hàng xăng dầu Lương Ninh tại xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh. Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho TTKT phát triển thành hình thực hiện Dự án nâng cấp, di dời cơ sở vật chất, hạ tầng và thiết bị phát sóng, phát thanh tại đất phát sóng, phát thanh Đồng Hới tại xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh. Quyết định 794/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh quản lý để thực hiện công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Mốc Sạch, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh. Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho UBND xã Duy Ninh quản lý tại xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh. Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho Công ty TNHH Xây dựng Minh Hà để thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại tại vùng Ruộng Nhặt, thị trấn Quán Hâu, huyện Quảng Ninh (Đợt 1); Quyết định 2126/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh về CMD SDD và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh quản lý để thực hiện Công trình: Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Hoành Vinh tại xã An Ninh, huyện Quảng Ninh; Quyết định 2473/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất thực hiện Dự án nâng cấp di dời cơ sở vật chất hạ tầng và thiết bị phát sóng, phát thanh Đồng Hới; Quyết định 2971/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất xây dựng Khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi Nhà máy xi măng Áng Sơn (Đợt 1); Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh về chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Happyland-Phong Nha thuê đất thực hiện Dự án Trồng lâm thổ theo giải trí Happyland tại thôn Lương Yên	
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	14,31	0,96	7,10	2,33	0,29	0,28	3,35						
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại													
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện													
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	342,65	21,20	82,23	3,85	8,55	20,62	16,08	190,12	24,04				

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỒ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Tờ trình số **499/QĐ-UBND** ngày **07** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)						Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Chi chi (Chỉ số, thời gian, nhân quyền, trích yếu văn bản)	
		Toàn thành phố	Phường Bắc Nghĩa	Xã Lộc Ninh	Phường Bắc Lý	Xã Đức Ninh	Phường Đồng Phú				Các xã, phường còn lại
1	Cải tạo đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	506,40	86,11	64,91	65,30	78,88	58,32	152,88	52,77	0	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đồng Hới
2	Kết quả thực hiện	4,94	0,02	2,23	0,08	2,39	0,22	*	0	0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư										
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư										
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất										
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	4,94	0,02	2,23	0,08	2,39	0,22	0			<ul style="list-style-type: none"> • Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CM&D SDD và giao đất cho Sở Văn hóa Thể thao thực hiện dự án Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới (Đợt 1); • Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CM&D SDD và giao đất cho Tổng Công ty điện lực Miền Trung thực hiện dự án Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110KV từ TBA 220KV Đồng Hới- TBA 110KV Đồng Hới tại phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới; • Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CM&D SDD và giao đất cho UBND TP Đồng Hới để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư TDP 9 tại phường Bắc Lý, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Đợt 2); • Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CM&D SDD và giao đất cho UBND TP Đồng Hới để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở khu vực Đồng Bình Bản tại xã Đức Ninh, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Đợt 2); • Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh về Giao đất thực hiện Dự án tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đông Nam đường Cao Thăng (Đợt 1) • Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh về Giao đất xây dựng Trụ sở làm việc của Công an phường Đồng Phú tại TDP 3 (Đợt 1)
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại										
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện										
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 - 3)	501,46	86,09	62,68	65,22	76,49		152,88			

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUỖN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **1985**/TT-UBND ngày **07** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)						Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó							
			Xã Hạ Trạch	Xã Đại Trạch	Xã Liên Trạch	Xã Cư Năm	Các xã còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	1.021,50	59,86	72,59	13,38	249,97	625,70	24,03	Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bố Trạch	
2	Kết quả thực hiện	2,26	0,20	0,32	1,41	0,33				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất									
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	2,26	0,20	0,32	1,41	0,33			* Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê quyền sử dụng đất thực hiện Dự án của hàng xăng dầu Hạ Trạch tại xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch * Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh về chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Thuận Phương thuê đất để thực hiện dự án Trung tâm phân phối vật liệu xây dựng Miền Trung tại xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình * Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện Công trình Khu tái định cư thôn Phú Hữu, thôn Tân Hội, xã Liên Trạch tại xã Liên Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình * Quyết định số 2941/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh thu hồi đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện Công trình Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cư Năm tại xã Cư Năm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại									
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện									
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1.019,24	59,66				625,70	24,03		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 118/TT-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thị xã	Phường Quảng Phong	Trong đó xã Quảng Hòa	Các xã, phường còn lại			
1	Chi tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	533,11	52,60	36,98	443,53	97,00		Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ba Đồn
2	Kết quả thực hiện	4,59	2,87					
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	4,59	2,87	1,72				* Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và cho Công ty TNHH Tiên Phong thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư trung tâm Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Tiên Phong tại phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn. * Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh về Giao đất thực hiện hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn tại thôn Thanh Tân * Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh về Thuê đất xây dựng Dự án Bến xe phía Tây kết hợp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Ba Đồn
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích nhận dân cấp tính cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 - 3)	528,52	49,73		443,53	97,00		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số **291/B** /TT-UBND ngày **07** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Chỉ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó					
			Xã Quảng Phú	Xã Quảng Đông	Các xã còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	389,19	73,12	77,06	239,01	22,14	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Trạch	
2	Kết quả thực hiện	4,98	2,56	2,42				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	4,98	2,56	2,42			<ul style="list-style-type: none"> * Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho UBND xã Quảng Phú quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch khu dân cư thôn Nam Lành, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch. * Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu ở mới tại thôn Đông Hưng, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch. * Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh về Thuê đất xây dựng Khu trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp Hòn La thuộc Khu Kinh tế Hòn La tại xã Quảng Đông huyện Quảng Trạch * Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh về Thuê đất xây dựng công trình đường dây 500 KV Quảng Trạch - Vũng Áng và Sân phân phối Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, đoạn tuyến qua xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch 	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	384,21	70,56	74,64	239,01	22,14		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG

THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUỖYÊN TUYẾN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **2785**/TT-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		(ha) Toàn huyện	(ha) Toàn huyện	(ha) Toàn huyện	
1	Chi tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	82,06	41,78		Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tuyên Hóa
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các tương hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	82,06	41,78		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG BẮC DỰNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **248** /TT-UBND ngày **04** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa			Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		(ha) Toàn huyện	Đất rừng phòng hộ (ha) Toàn huyện	Đất rừng đặc dụng (ha) Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023	57,41	76,70		Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Minh Hóa
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	57,41	76,70		

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế
hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định
chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT
ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một
số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ
sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa
bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và
ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất
năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

1. Bổ sung mới 157 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62
của Luật Đất đai năm 2013 (trong đó có 63 dự án đồng thời chuyển mục đích sử
dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất

đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 368,07 ha, trong đó: 53,06 ha đất trồng lúa; 1,75 ha đất rừng phòng hộ và 313,26 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

2. Bổ sung mới 23 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013. Tổng diện tích sử dụng đất 5,72 ha, trong đó: 4,59 ha đất trồng lúa và 1,13 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh 39 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 26 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013) với tổng diện tích sau điều chỉnh là 69,27 ha, trong đó: 17,20 ha đất trồng lúa; 0,90 ha đất rừng phòng hộ và 51,17 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

4. Danh mục 56 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất sau 03 (ba) năm chưa thực hiện hoàn thành nay tiếp tục thực hiện. Tổng diện tích sử dụng đất 412,19 ha, trong đó: 45,35 ha đất trồng lúa; 15,48 ha đất rừng phòng hộ và 351,36 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 04 kèm theo)

5. Danh mục 127 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất sau 03 (ba) năm chưa thực hiện nay tiếp tục thực hiện. Tổng diện tích sử dụng đất 1.267,49 ha, trong đó: 207,45 ha đất trồng lúa; 5,69 ha đất rừng phòng hộ và 1.054,35 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 05 kèm theo)

6. Danh mục 08 dự án đưa ra khỏi nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Tổng diện tích sử dụng đất 212,66 ha, trong đó: 28,10 ha đất trồng lúa; 0,16 ha đất rừng phòng hộ và 184,40 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 06 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII kỳ họp thứ 12 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu

Phụ lục 1**BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT***(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)**Đơn vị tính: ha*

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ				252.82	53.06	1.75	198.01
I	Huyện Lệ Thủy			4.03	2.22		1.81
1	Nhà văn hóa thôn Đại Phong, xã Phong Thủy	Phong Thủy	Lệ Thủy	0.23	0.22		0.01
2	Khu đô thị Lộc Thượng	An Thủy	Lệ Thủy	3.80	2.00		1.80
II	Huyện Quảng Ninh			177.78	8.49	0.16	169.13
3	Đường kết hợp kênh tưới Hiền Lộc đi Tả Phan	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.63	0.11		0.52
4	Đường từ UBND xã Duy Ninh đi Phú Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	2.23	0.24		1.99
5	Mở rộng đường Hiền Lộc đi Dinh Mười	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.71	0.01		0.70
6	Đường phía sau chợ Đắc Thắng đi Hồng Thủy	Gia Ninh	Quảng Ninh	0.21	0.02		0.19
7	Mở rộng đường xóm mới thôn Hàm Hòa đi qua trung tâm xã	Hàm Ninh	Quảng Ninh	3.48	0.92		2.56

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
8	Nâng cấp đường từ trường tiểu học Xuân Ninh đi đường JBIC	Hiền Ninh	Quảng Ninh	0.21	0.09		0.12
9	Đường Mễ Chén đến khu công nghiệp	Lương Ninh	Quảng Ninh	0.37	0.02		0.35
10	Mở rộng khuôn viên nghĩa trang liệt sỹ xã Hàm Ninh	Hàm Ninh	Quảng Ninh	0.08	0.08		
11	Khu dân cư Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	158.96		0.16	158.80
12	Khu dân cư Võ Ninh 3	Võ Ninh	Quảng Ninh	10.90	7.00		3.90
III	Huyện Bố Trạch			25.31	12.91	1.59	10.81
13	Đường giao thông liên bản từ bản Bụt đến bản Noòng mới	Thượng Trạch	Bố Trạch	1.90		0.61	1.29
14	Xây dựng sân thể dục thể thao Đồng Quan TDP Cù Lạc 2 thị trấn Phong Nha	TT Phong Nha	Bố Trạch	2.28	1.70		0.58
15	Nhà văn hóa trung tâm xã Tây Trạch	Tây Trạch	Bố Trạch	0.56	0.19		0.37
16	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân Cồn Nhắng, thị trấn Phong Nha	TT Phong Nha	Bố Trạch	8.70	4.29		4.41
17	Nhà văn hóa thôn 8 xã Trung Trạch	Trung Trạch	Bố Trạch	0.35	0.35		
18	Đất ở tại nông thôn - Khu vực Bạc Hà (Giai đoạn 2)	Đại Trạch	Bố Trạch	0.50	0.47		0.03

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
19	Đất ở tại nông thôn (Khu vực Đồng Mông Năm: 0,40 ha; khu vực Nương Tuấn thôn 8: 0,50 ha; khu vực Nương Mạ Cửa hàng thôn 2: 0,28 ha; khu vực Nương Mạ đối diện nhà ông Thoại thôn 7: 0,14 ha)	Trung Trạch	Bố Trạch	1.32	0.71		0.61
20	Đất ở tại nông thôn (Khu vực cửa ông Thọ, Náy thôn 3: 0,50 ha; Khu vực nhà hoa thôn 6: 0,50 ha; Khu vực NVH thôn 4: 0,36 ha; Khu vực NVH thôn 6: 0,30 ha; Khu vực NVH thôn 1,2: 0,50 ha)	Đồng Trạch	Bố Trạch	2.16	2.07		0.09
21	Đất ở tại nông thôn (Khu vực thôn Dinh Lễ: 0,28 ha; Khu vực thôn đô ng: 0,48 ha)	Vạn Trạch	Bố Trạch	0.76	0.70		0.06
22	Đất ở tại nông thôn - Khu vực thôn 2, xã Bắc Trạch	Bắc Trạch	Bố Trạch	0.24	0.23		0.01
23	Đất ở tại nông thôn - Khu vực thôn Nam Năm, xã Cự Năm	Cự Năm	Bố Trạch	0.50	0.46		0.04
24	Đất ở tại nông thôn xã Mỹ Trạch (Vùng Cửa Mương thôn 6)	Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.39	0.04		0.35
25	Đất ở tại nông thôn xã Lâm Trạch (Khu vực sau hồi nhà ông Tịm thôn 2)	Lâm Trạch	Bố Trạch	0.31	0.08		0.23
26	Đất ở tại nông thôn (Khu vực sau hồi nhà ông An thôn 4: 0,40 ha; Khu vực thôn 2: 0,32 ha)	Lâm Trạch	Bố Trạch	0.72	0.30		0.42
27	Đất ở tại nông thôn - Đất lẻ xã Hưng Trạch	Hưng Trạch	Bố Trạch	0.50	0.04		0.46

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
28	Đất ở tại nông thôn xã Thượng Trạch (Khu vực NVH bản Nịu: 0,50 ha; khu vực bản Coóc: 0,50 ha; Khu vực bản Troi: 0,50 ha; Khu vực bản Aki: 0,15 ha)	Thượng Trạch	Bố Trạch	1.65	0.28	0.98	0.39
29	Tạo quỹ đất tại thôn 1, thôn 4, thôn 5 xã Hoàn Trạch (nay là thị trấn Hoàn Lão)	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	1.97	0.52		1.45
30	Đất ở tại đô thị thị trấn Phong Nha (TDP Cù Lạc 1)	TT Phong Nha	Bố Trạch	0.50	0.48		0.02
IV	Thị xã Ba Đồn			6.25	4.33		1.92
31	Trạm y tế xã Quảng Tân	Quảng Tân	Ba Đồn	0.14	0.12		0.02
32	Nhà lớp học 8 phòng, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Quảng Thọ	Quảng Thọ	Ba Đồn	0.28	0.18		0.10
33	Trường mầm non xã Quảng Tân	Quảng Tân	Ba Đồn	0.42	0.35		0.07
34	Xây dựng nhà chức năng, sân, bếp ăn và khuôn viên trường mầm non xã Quảng Minh	Quảng Minh	Ba Đồn	0.18	0.10		0.08
35	Trung tâm văn hóa thể thao xã Quảng Tân	Quảng Tân	Ba Đồn	0.23	0.19		0.04
36	Nhà bia tưởng niệm Trận chống Càn làng Lâm Xuân, xã Quảng Thủy	Quảng Thủy	Ba Đồn	0.28	0.27		0.01
37	Nghĩa địa phường Quảng Thuận phục vụ giải phóng mặt bằng Khu đô thị Cồn Két	Quảng Thuận	Ba Đồn	0.15	0.12		0.03

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
38	Nhà sinh hoạt cộng đồng TDP Chính Trực, phường Quảng Long	Quảng Long	Ba Đồn	0.25	0.22		0.03
39	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Vĩnh Lộc, xã Quảng Lộc	Quảng Lộc	Ba Đồn	0.30	0.26		0.04
40	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tây Minh Lệ, xã Quảng Minh	Quảng Minh	Ba Đồn	0.40	0.20		0.20
41	Mở rộng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn đô ng Bắc, xã Quảng Thủy	Quảng Thủy	Ba Đồn	0.18	0.17		0.01
42	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thượng Thủy, xã Quảng Thủy	Quảng Thủy	Ba Đồn	0.26	0.23		0.03
43	Phát triển quỹ đất tại thôn Tân đô ng, thôn Vân Nam và thôn Vân đô ng, xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn	Quảng Hải	Ba Đồn	0.33	0.05		0.28
44	Các thửa đất xen cư thôn Diên Trường và thôn Hà Sơn, xã Quảng Sơn	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.50	0.08		0.42
45	Đất xen cư để đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất xã Quảng Thủy) (thôn Trung Thủy: 0,43 ha; thôn Nam Thủy: 0,49 ha; thôn Thượng Thủy: 0,18 ha; thôn đô ng Bắc: 0,06 ha; thôn Xuân Thủy: 0,22 ha	Quảng Thủy	Ba Đồn	1.38	1.27		0.11
46	Các thửa đất xen cư đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn xã Quảng Tiên	Quảng Tiên	Ba Đồn	0.36	0.07		0.29
47	Đất ở xen cư khu vực thôn Công Hòa, thôn Thượng Thôn và thôn Trung Thôn, xã Quảng Trung	Quảng Trung	Ba Đồn	0.36	0.20		0.16

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
48	Xây dựng nhà hội trường và phòng làm việc UBND xã Quảng Lộc	Quảng Lộc	Ba Đồn	0.25	0.25		
V	Huyện Quảng Trạch			4.32	3.75		0.57
49	Nâng cấp mở rộng sửa chữa xây mới tượng đài nghĩa trang liệt sĩ xã Quảng Hưng	Quảng Hưng	Quảng Trạch	0.10	0.08		0.02
50	Sân thể thao thôn Tùng Giang, xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0.40	0.40		
51	Khu văn hóa, thể thao, đình làng thôn Thanh Bình xã Quảng Xuân	Quảng Xuân	Quảng Trạch	2.56	2.30		0.26
52	Nhà văn hóa kết hợp nhà vượt lũ thôn Trường Long, xã Phù Hóa	Phù Hóa	Quảng Trạch	0.12	0.02		0.10
53	Tạo quỹ đất ở thôn Lý Nguyên, thôn Hạ Lý, xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0.50	0.43		0.07
54	Tạo quỹ đất ở (Thôn 1, thôn 2, thôn 3) xã Quảng Kim	Quảng Kim	Quảng Trạch	0.15	0.03		0.12

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
55	Hạ tầng kỹ thuật Quy hoạch chi tiết khu đất ở điểm dân cư phía Tây chợ Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch	Quảng Lưu	Quảng Trạch	0.49	0.49		
VI	Huyện Tuyên Hóa			8.08	1.70		6.38
56	Tuyến đường liên xã phía Tây thị trấn Đồng Lê (giai đoạn 2)	Sơn Hóa, Thạch Hóa	Tuyên Hóa	4.49	0.88		3.61
57	Đường nội đồng Phúc Tùng - Cồn Cam	Đức Hóa	Tuyên Hóa	0.98	0.24		0.74
58	Hạ tầng kỹ thuật khu di tích lịch sử cấp Quốc gia Hang Lèn Hà	Thanh Hóa	Tuyên Hóa	2.05	0.47		1.58
59	Dự án tạo quỹ đất ở đô thị tại tiểu khu Đồng Vãn, tiểu khu Tam Đồng	Đồng Lê	Tuyên Hóa	0.11	0.09		0.02
60	Trụ sở làm việc cơ quan Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa	Lê Hóa	Tuyên Hóa	0.45	0.02		0.43
VII	Thành phố Đồng Hới			27.05	19.66		7.39
61	Khu đô thị phía sau chợ Đức Ninh, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	Đức Ninh	Đồng Hới	11.00	8.67		2.33
62	Khu đô thị phía Tây đường Lý Nam Đế	Đồng Phú	Đồng Hới	9.60	5.19		4.41
63	Khu đô thị Phú Xá	Lộc Ninh	Đồng Hới	6.45	5.80		0.65

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)				115.25			115.25
I	Huyện Lệ Thủy			1.26			1.26
1	Sửa chữa nhà nội trú, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Ngân Thủy	Ngân Thủy	Lệ Thủy	0.46			0.46
2	Nhà văn hóa thôn đô ng Thiện, xã Dương Thủy	Dương Thủy	Lệ Thủy	0.15			0.15
3	Nhà văn hóa thôn Nam Thiện, xã Dương Thủy	Dương Thủy	Lệ Thủy	0.32			0.32
4	Nhà văn hóa thôn Thắng Lợi, xã Hưng Thủy	Hưng Thủy	Lệ Thủy	0.08			0.08
5	Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Bang, xã Kim Thủy	Kim Thủy	Lệ Thủy	0.15			0.15
6	Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa thôn Sen Thượng 2	Sen Thủy	Lệ Thủy	0.10			0.10
II	Huyện Quảng Ninh			62.41			62.41
7	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường D5 đô thị Dinh Mười	Các xã: Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	4.00			4.00
8	Hạ tầng kỹ thuật mở rộng tuyến đường quy hoạch 50m từ Km2+246 đến đường ven biển	Các xã: Hải Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	8.50			8.50
9	Đường thôn Thống Nhất đi Phúc Nhĩ	An Ninh	Quảng Ninh	0.63			0.63

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
10	Đường giao thông dãy 2 khu dân cư thôn Bình An	Gia Ninh	Quảng Ninh	0.20			0.20
11	Đường trung tâm xã Gia Ninh đoạn từ ngã ba Mỹ Trung đi trạm y tế xã	Gia Ninh	Quảng Ninh	1.40			1.40
12	Đường trung tâm xã Gia Ninh đoạn từ ngã ba Mỹ Trung đi trường THCS Gia Ninh	Gia Ninh	Quảng Ninh	0.14			0.14
13	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường N3 đô thị Dinh Mười	Gia Ninh	Quảng Ninh	2.84			2.84
14	Đường giao thông nông thôn Xuân Hải, xã Hải Ninh	Hải Ninh	Quảng Ninh	0.04			0.04
15	Mở rộng trục đường chính thôn Hoà Bình	Tân Ninh	Quảng Ninh	1.31			1.31
16	Đường tránh lũ thôn Rào Đá - Quyết Thắng (qua khu di dân thôn Quyết Thắng)	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.98			0.98
17	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường N2 đô thị Dinh Mười	Võ Ninh	Quảng Ninh	1.60			1.60
18	Khu phức hợp văn hoá thể thao thuộc khu đô thị Dinh Mười	Võ Ninh	Quảng Ninh	4.50			4.50
19	Hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang nhân dân tập trung khu phía đông, xã Gia Ninh	Gia Ninh	Quảng Ninh	6.00			6.00
20	Hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang nhân dân tập trung khu phía Nam xã Hải Ninh (Giai đoạn 1)	Hải Ninh	Quảng Ninh	4.95			4.95
21	Hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang nhân dân tập trung khu phía tây xã Hải Ninh (Giai đoạn 1)	Hải Ninh	Quảng Ninh	4.75			4.75
22	Xây dựng hạ tầng nghĩa trang nhân dân xã Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	5.00			5.00

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
23	Nhà văn hoá thôn Trần Xá	Hàm Ninh	Quảng Ninh	0.08			0.08
24	Hạ tầng công viên thuộc khu đô thị Dinh Mười	Các xã: Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	4.50			4.50
25	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng, phân lô chi tiết khu đấu giá đất ở phía Bắc chợ Cờ thôn	Hải Ninh	Quảng Ninh	0.49			0.49
26	Khu đất đấu giá đất ở thôn Sỏi xã Vạn Ninh (Đợt 1)	Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.50			0.50
27	Khu dân cư Võ Ninh 2	Võ Ninh	Quảng Ninh	10.00			10.00
III	Huyện Bố Trạch			21.66			21.66
28	Đường giao thông từ trường tiểu học số 2 Thượng Trạch vào khu dân cư xen ghép bản Cờ Đỏ, xã Thượng Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	0.60			0.60
29	Nâng cấp mở rộng đường, hệ thống thoát nước đường Trần Nhân Tông – thị trấn Hoàn Lão	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0.43			0.43
30	Khu trung tâm văn hóa thị trấn Nông trường Việt Trung	TT NT Việt Trung	Bố Trạch	0.57			0.57
31	Nhà hiệu bộ trường tiểu học số 2 Thượng Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	0.31			0.31
32	Xây dựng điểm trường tiểu học số 1 và điểm trường mầm non tại bản Ban xã Thượng Trạch (nằm trong khu tái định cư bản Ban)	Thượng Trạch	Bố Trạch	0.42			0.42
33	Nâng cấp sân vận động trung tâm xã Xuân Trạch	Xuân Trạch	Bố Trạch	0.52			0.52

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
34	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực huyện lỵ, thị xã, thành phố tỉnh Quảng Bình	Bắc Trạch	Bố Trạch	0.02			0.02
35	Nhà văn hóa TDP Quyết Tiến	TT NT Việt Trung	Bố Trạch	0.22			0.22
36	Nhà văn hóa TDP Phú Quý	TT NT Việt Trung	Bố Trạch	0.16			0.16
37	Nhà văn hóa TDP Xung Kích	TT NT Việt Trung	Bố Trạch	0.18			0.18
38	Đất ở tại nông thôn (Khu vực gần trường mầm non Bắc Hồng: 0,24 ha; Khu vực thôn Bắc Hồng: 0,50 ha)	Nam Trạch	Bố Trạch	0.74			0.74
39	Đất ở tại nông thôn (Khu vực Sầm Ô: 0,50 ha; Khu vực Thôn 1: 0,50 ha; Khu vực Thôn 6: 0,50 ha)	Lý Trạch	Bố Trạch	1.50			1.50
40	Đất ở tại nông thôn (Khu vực Bạc Hà -Giai đoạn 1: 0,30 ha; Khu vực Động Cát: 0,11 ha)	Đại Trạch	Bố Trạch	0.30			0.30
41	Đất ở tại nông thôn (Khu vực đổi diện nhà ông Phổ thôn 7: 0,23 ha; Khu vực gần nhà ông Bé, bà Hương thôn 7: 0,10 ha)	Trung Trạch	Bố Trạch	0.33			0.33
42	Đất ở tại nông thôn (Các lô lẻ xen kẽ thôn đô ng Đức: 0,33 ha; Các lô lẻ xen kẽ thôn Nam Đức: 0,33 ha; Các lô lẻ xen kẽ thôn Trung Đức: 0,08 ha)	Đức Trạch	Bố Trạch	0.74			0.74

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
43	Đất ở tại nông thôn (Khu vực thôn đô ng Duyệt 1: 0,50 ha; Khu vực thôn Nam Sơn: 0,50 ha; Khu vực hồ tôm xã Phú Trạch cũ: 0,12 ha; Các lô lẻ xen kẽ: 0,08 ha)	Hải Phú	Bố Trạch	1.20			1.20
44	Đất ở tại nông thôn xã Hòa Trạch (Khu vực thôn Hòa Đồng)	Hòa Trạch	Bố Trạch	0.23			0.23
45	Đất ở tại nông thôn xã Hòa Trạch (Khu vực thôn Cà: 0,45 ha; Khu vực thôn HỔ (2 vị trí): 0,50 ha; Khu vực thôn Dài: 0,25 ha; Khu vực nhà ông Cao thôn Cà: 0,19 ha)	Hòa Trạch	Bố Trạch	1.39			1.39
46	Đất ở tại nông thôn xã Vạn Trạch - Khu vực thôn Rẫy	Vạn Trạch	Bố Trạch	0.36			0.36
47	Đất ở tại nông thôn (Khu vực đường Ba Trại: 0,31 ha; Khu vực trước trường mầm non Sơn Lộc: 0,31 ha; Khu vực đất lẻ xã Sơn Lộc: 0,32 ha)	Sơn Lộc	Bố Trạch	0.94			0.94
48	Đất ở tại nông thôn (Khu vực phía Nam thôn Tiên Phong (vị trí 1): 0,43 ha; Khu vực phía Nam thôn Tiên Phong (vị trí 2): 0,46 ha; khu vực đất lẻ xã Thanh Trạch: 0,23 ha; Khu vực Lò Chòi thôn Tiên Phong: 0,50 ha)	Thanh Trạch	Bố Trạch	1.62			1.62
49	Đất ở tại nông thôn xã Phú Định (thôn Nam Định: 0,42 ha; đất ở xen kẽ trong khu dân cư: 0,48 ha)	Phú Định	Bố Trạch	0.90			0.90

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
50	Đất ở tại nông thôn (Khu vực Hà Luật thôn 1: 0,46 ha; Khu vực thôn 6: 0,50 ha; Khu vực Thượng Đồng thôn 6: 0,19 ha)	Bắc Trạch	Bố Trạch	1.15			1.15
51	Đất ở tại nông thôn (Khu vực dãy 2 Đồng Cầu thôn Võ Thuận 2: 0,50 ha; Khu vực Đồng Cồn Chung thôn Mít: 0,37 ha; Khu vực Lò Dầu thôn Làng: 0,50 ha; Khu vực đất lẻ xã Tây Trạch: 0,20 ha)	Tây Trạch	Bố Trạch	1.57			1.57
52	Đất ở tại nông thôn - Khu vực thôn 6 xã Mỹ Trạch	Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.35			0.35
53	Đất ở tại nông thôn - Khu vực đất lẻ xã Lâm Trạch	Lâm Trạch	Bố Trạch	0.49			0.49
54	Đất ở tại nông thôn - Khu vực thôn 5, xã Xuân Trạch	Xuân Trạch	Bố Trạch	0.42			0.42
55	Đất ở tại nông thôn xã Phúc Trạch (thôn 4 Thanh Sen: 0,15 ha; thôn 2 Phúc Đồng (3 vị trí): 0,12 ha)	Phúc Trạch	Bố Trạch	0.27			0.27
56	Khu định canh, định cư tập trung bản Ban, xã Thượng Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	0.61			0.61
57	Đất ở tại nông thôn xã Thượng Trạch - Khu vực bản Nụ xã Thượng Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	0.50			0.50
58	Dự án Tạo quỹ đất ở khu vực tiểu khu 1 - thị trấn Hoàn Lão	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0.04			0.04
59	Bồi thường bằng đất để GPMB thực hiện dự án Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Phía Nam sông Phường Bùn	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0.02			0.02

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
60	Đất ở tại đô thị (Khu vực đồng Tư Liệu tiểu khu 7: 0,44 ha; Khu vực Bãi Bạch đàn tiểu khu 4: 0,46 ha)	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0.90			0.90
61	Đất ở tại đô thị (Khu vực Quyết Tiến (Giai đoạn 2: 0,44; các khu vực đất lẻ khác: 0,11)	TT NT Việt Trung	Bố Trạch	0.55			0.55
62	Đất ở tại đô thị (Khu vực TDP Gia Tĩnh: 0,32 ha; Khu vực gần nhà ông Hùng TDP Cù Lạc 1: 0,43 ha; các khu vực đất lẻ (7 vị trí): 0,36 ha)	TT Phong Nha	Bố Trạch	1.11			1.11
IV	Thị xã Ba Đồn			5.58			5.58
63	Nhà sinh hoạt cộng đồng TDP Thủy Sơn, phường Quảng Long	Quảng Long	Ba Đồn	0.18			0.18
64	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tiên Xuân	Quảng Tiên	Ba Đồn	0.39			0.39
65	Phát triển quỹ đất tại thôn Minh Hà, xã Quảng Minh	Quảng Minh	Ba Đồn	0.26			0.26
66	Phát triển quỹ đất tại thôn Minh Tiến và thôn Bắc Minh Lệ	Quảng Minh	Ba Đồn	0.16			0.16
67	Bồi thường, tái định cư thực hiện dự án Xây dựng công trình Hệ thống thủy lợi Rào Nan	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.03			0.03
68	HTKT khu dân cư phía đô ng Nam phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn (Khu vực 1)	Ba Đồn	Ba Đồn	0.37			0.37

Phụ lục 2

**BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
(không thuộc trường hợp thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013)**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
I	Huyện Lệ Thủy			2.88	2.39		0.49
1	Trụ sở công an xã Cam Thủy	Cam Thủy	Lệ Thủy	0.18	0.06		0.12
2	Trụ sở công an xã Dương Thủy	Dương Thủy	Lệ Thủy	0.23	0.23		
3	Trụ sở công an xã Hoa Thủy	Hoa Thủy	Lệ Thủy	0.26	0.24		0.02
4	Trụ sở công an xã Hưng Thủy	Hưng Thủy	Lệ Thủy	0.23	0.23		
5	Trụ sở công an xã Liên Thủy	Liên Thủy	Lệ Thủy	0.35	0.35		
6	Trụ sở công an xã Mỹ Thủy	Mỹ Thủy	Lệ Thủy	0.22	0.22		
7	Trụ sở công an xã Phú Thủy	Phú Thủy	Lệ Thủy	0.30	0.30		
8	Trụ sở công an xã Tân Thủy	Tân Thủy	Lệ Thủy	0.30	0.28		0.02
9	Trụ sở công an xã Thái Thủy	Thái Thủy	Lệ Thủy	0.31	0.10		0.21
10	Trụ sở công an xã Thanh Thủy	Thanh Thủy	Lệ Thủy	0.22	0.12		0.10
11	Trụ sở công an xã Xuân Thủy	Xuân Thủy	Lệ Thủy	0.28	0.26		0.02
II	Huyện Quảng Ninh			0.61	0.41		0.20
12	Trụ sở Công an xã Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.21	0.20		0.01
13	Trụ sở Công an xã Hàm Ninh	Hàm Ninh	Quảng Ninh	0.20	0.20		

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
14	Trụ sở Công an xã Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	0.20	0.01		0.19
III	Huyện Bố Trạch			1.23	0.90		0.33
15	Trụ sở công an xã Phúc Trạch	Phúc Trạch	Bố Trạch	0.27	0.26		0.01
16	Trụ sở công an xã Bắc Trạch	Bắc Trạch	Bố Trạch	0.28	0.28		
17	Trụ sở công an xã Vạn Trạch	Vạn Trạch	Bố Trạch	0.27	0.02		0.25
18	Văn phòng làm việc, kết hợp trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng Trường Hưng	Trung Trạch, Đại Trạch	Bố Trạch	0.41	0.34		0.07
IV	Thị xã Ba Đồn			0.45	0.44		0.01
19	Trụ sở công an xã Quảng Lộc	Quảng Lộc	Ba Đồn	0.15	0.15		
20	Trụ sở công an xã Quảng Sơn	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.15	0.14		0.01
21	Trụ sở công an xã Quảng Trung	Quảng Trung	Ba Đồn	0.15	0.15		
V	Huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch		0.35	0.25		0.10
22	Trụ sở công an xã Quảng Phương	Quảng Phương	Quảng Trạch	0.35	0.25		0.10
VI	Huyện Tuyên Hoá	Tuyên Hoá		0.20	0.20		
23	Trụ sở công an xã Thanh Hóa	Thanh Hóa	Tuyên Hóa	0.20	0.20		
Tổng cộng: 23 dự án				5.72	4.59		1.13

Ghi chú: 23 dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
I	Điều chỉnh 08 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Đã phê duyệt		22.87	9.92		12.95	
		Nay điều chỉnh		23.27	10.26		13.01	
1	Cơ sở thu mua, chế biến nông sản và dịch vụ tổng hợp, của Hợp tác xã dịch vụ thương mại tổng hợp Yên Mùi	Đã phê duyệt	Liên Trường	Quảng Trạch	0.72	0.58		0.14
		Nay điều chỉnh	Liên Trường	Quảng Trạch	0.78	0.75		0.03
2	Khu tiểu thủ công nghiệp tại phường Quảng Thọ	Đã phê duyệt	Quảng Thọ	Ba Đồn	20.20	8.98		11.22
	Cụm công nghiệp tại phường Quảng Thọ	Nay điều chỉnh	Quảng Thọ	Ba Đồn	19.75	8.98		10.77
3	Mở rộng khuôn viên hàng rào cơ sở 1 trường mầm non xã Đồng Trạch	Đã phê duyệt	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.05			0.05
		Nay điều chỉnh	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.15	0.15		
4	Trạm kiểm lâm Khe Gát	Đã phê duyệt	Xuân Trạch	Bố Trạch	0.21			0.21
		Nay điều chỉnh	Xuân Trạch	Bố Trạch	0.24			0.24

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
69	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam đất Quy hoạch nhà thờ mới giáo xứ Tân Mỹ, phường Quảng Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	0.49			0.49
70	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xóm chợ, TDP Tân Mỹ, phường Quảng Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	0.45			0.45
71	Xây dựng trụ sở UBND phường Quảng Long	Quảng Long	Ba Đồn	1.24			1.24
72	Khu đô thị Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	2.01			2.01
V	Huyện Quảng Trạch			19.57			19.57
73	Hoàn thiện hạ tầng tuyến đường nối từ Quốc lộ 1 đi Bàu Sen	Quảng Hưng, Quảng Phương	Quảng Trạch	3.20			3.20
74	Nâng cấp các tuyến đường nội vùng tại thôn Cấp Sơn, xã Cảnh Hóa	Cảnh Hóa	Quảng Trạch	0.36			0.36
75	Xây dựng bê tông hoá tuyến đường giao thông nông thôn phía Nam Kênh mương Vực Tròn tại thôn Phúc Kiều và thôn Sơn Tùng, xã Quảng Tùng	Quảng Tùng	Quảng Trạch	2.00			2.00
76	Trường mầm non Quảng Châu (điểm trường Hòa Lạc)	Quảng Châu	Quảng Trạch	0.17			0.17
77	Trường trung học cơ sở Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0.24			0.24

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
78	Xây dựng nhà lớp học 4 phòng 2 tầng và cải tạo các phòng học chức năng, hạng mục phụ trợ Trường mầm non trung tâm xã Quảng Tiến	Quảng Tiến	Quảng Trạch	0.05			0.05
79	Nhà văn hóa kết hợp nhà vượt lũ thôn Trung Tiến, xã Phù Hóa	Phù Hóa	Quảng Trạch	0.13			0.13
80	Tạo quỹ đất ở thôn Sơn Tùng, xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0.40			0.40
81	Tạo quỹ đất ở thôn Tân Châu, xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0.35			0.35
82	Tạo quỹ đất ở thôn Tùng Giang, thôn Hòa Lạc, xã Quảng Châu	Quảng Châu	Quảng Trạch	0.23			0.23
83	Khu xen cư thôn Minh Sơn, xã Quảng đô ng	Quảng đô ng	Quảng Trạch	0.18			0.18
84	Tạo quỹ đất ở xen cư tại xã Quảng Hợp	Quảng Hợp	Quảng Trạch	0.35			0.35
85	Đất lẻ xen cư xã Quảng Xuân (thôn Xuân Kiều: 0,43 ha; thôn Thanh Lương: 0,33 ha)	Quảng Xuân	Quảng Trạch	0.76			0.76
86	Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Vực Tròn, tỉnh Quảng Bình	Quảng Châu	Quảng Trạch	11.15			11.15
VI	Huyện Tuyên Hóa			4.77			4.77
87	Hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Tiến Hóa (giai đoạn 1)	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	1.12			1.12
88	Đường bê tông vào khu trồng keo từ Cha Lao đi đường Mọ xã Thanh Thạch	Thanh Thạch	Tuyên Hóa	0.44			0.44

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
89	Trận địa pháo Bắc Katang	Lâm Hóa	Tuyên Hóa	1.79			1.79
90	Giáo xứ Minh Tú	Châu Hóa	Tuyên Hóa	0.20			0.20
91	Mở rộng nhà văn hóa thôn Bàu 3	Tiền Hóa	Tuyên Hóa	0.15			0.15
92	Nhà văn hóa thôn Bàu	Tiền Hóa	Tuyên Hóa	0.23			0.23
93	Dự án phát triển quỹ đất khu đất lẻ, xen kẽ tại thôn Lâm Lang	Châu Hóa	Tuyên Hóa	0.37			0.37
94	Dự án phát triển quỹ đất khu đất lẻ, xen kẽ tại thôn Hòa Bình, thôn 4 Thiết Sơn	Thạch Hóa	Tuyên Hóa	0.47			0.47
Tổng				368.07	53.06	1.75	313.26

Ghi chú: 157 công trình, dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
5	Xây dựng mới khu trung tâm vui chơi và thể thao xã ĐỒNG TRẠCH	Đã phê duyệt	ĐỒNG TRẠCH	BỐ TRẠCH	0.25			0.25
		Nay điều chỉnh	ĐỒNG TRẠCH	BỐ TRẠCH	0.30			0.30
6	Đất ở nông thôn xã HOA THỦY	Đã phê duyệt	HOA THỦY	LỆ THỦY	0.38	0.36		0.02
		Nay điều chỉnh	HOA THỦY	LỆ THỦY	0.43	0.38		0.05
7	Mở rộng Trường Mầm non trung tâm xã HUNG THỦY	Đã phê duyệt	HUNG THỦY	LỆ THỦY	0.15			0.15
		Nay điều chỉnh	HUNG THỦY	LỆ THỦY	0.18			0.18
8	Kè chống sạt lở bờ suối đoạn qua tại Tiểu khu 2, 5 thị trấn QUY ĐẠT	Đã phê duyệt	QUY ĐẠT	MINH HÓA	0.91			0.91
		Nay điều chỉnh	QUY ĐẠT	MINH HÓA	1.44			1.44
II	Điều chỉnh 23 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022		Đã phê duyệt		30.67	2.66	2.03	25.98
			Nay điều chỉnh		37.45	4.14	0.90	32.41
1	Xây dựng Quảng trường biển thị xã BA ĐỒN	Đã phê duyệt	QUẢNG THỌ	BA ĐỒN	5.20		2.03	3.17
		Nay điều chỉnh	QUẢNG THỌ	BA ĐỒN	6.04		0.90	5.14

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
2	Trạm y tế xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.16			0.16
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.25			0.25
3	Trường Mầm non xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.38	0.01		0.37
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.46	0.45		0.01
4	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu dân cư vùng dưới Ông Cũ, Phần Tư và phần Hói Ngoài, thôn Vân Đông, xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.21			0.21
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.66			0.66
5	HTKT Quy hoạch chi tiết Điểm dân cư khu vực dưới Hới thôn Vân Bắc, xã Quảng Hải	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.50	0.16		0.34
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.87	0.23		0.64
6	Quy hoạch Chi tiết Khu dân cư khu vực dưới Quý, dưới Cường thôn Vân Trung, xã Quảng Hải	Đã phê duyệt	Quảng Hải	Ba Đồn	0.50			0.50
		Nay điều chỉnh	Quảng Hải	Ba Đồn	0.56	0.02		0.54
7	Hạ tầng kỹ thuật khu ở mới thôn Tiên Xuân, xã Quảng Tiên (Giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Quảng Tiên	Ba Đồn	2.44	0.39		2.05
		Nay điều chỉnh	Quảng Tiên	Ba Đồn	3.04	0.39		2.65

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
8	Phát triển quỹ đất ở tại thôn Tân Sơn, xã Trường Sơn	Đã phê duyệt	Trường Sơn	Quảng Ninh	0.48			0.48
	Xây dựng khu tái định cư, dân cư thôn Tân Sơn	Nay điều chỉnh	Trường Sơn	Quảng Ninh	0.48			0.48
9	Tuyến đường từ trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh huyện Bố Trạch	Đã phê duyệt	Tây Trạch, Hòa Trạch	Bố Trạch	2.88	0.55		2.33
		Nay điều chỉnh	Tây Trạch, Hòa Trạch	Bố Trạch	2.96	0.55		2.41
10	Xây dựng tuyến giao thông kết nối đường Hồ Chí Minh vào Trung tâm thị trấn Nông Trường Việt Trung	Đã phê duyệt	Thị trấn NTVT	Bố Trạch	1.93			1.93
		Nay điều chỉnh	Thị trấn NTVT	Bố Trạch	2.07			2.07
11	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đi Tây Trạch	Đã phê duyệt	Hòa Trạch, Tây Trạch	Bố Trạch	3.61	0.16		3.45
		Nay điều chỉnh	Hòa Trạch, Tây Trạch	Bố Trạch	3.84	0.14		3.70
12	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Đã phê duyệt	Sơn Lộc, Vạn Trạch	Bố Trạch	3.84	0.03		3.81
		Nay điều chỉnh	Sơn Lộc, Vạn Trạch	Bố Trạch	3.99	0.07		3.92
13	Sửa chữa, nâng cấp hồ Bàu Trạng xã Cự Năm	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	1.35	0.01		1.34
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	1.38	0.01		1.37

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
14	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 2 Đồng Trạch	Đã phê duyệt	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.11			0.11
		Nay điều chỉnh	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.15	0.15		
15	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 3 Đồng Trạch	Đã phê duyệt	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.06			0.06
		Nay điều chỉnh	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.15	0.15		
16	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 4 Đồng Trạch	Đã phê duyệt	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.18			0.18
		Nay điều chỉnh	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.19	0.17		0.02
17	Khu tái định cư khu vực thôn Tân Hội xã Liên Trạch (phục vụ GPMB dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Liên Trạch	Bố Trạch	1.01	0.80		0.21
		Nay điều chỉnh	Liên Trạch	Bố Trạch	1.04	0.80		0.24
18	Tái định cư khi GPMB thực hiện công trình đường từ TL 561 đi Cầu sông trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Đã phê duyệt	TT Hoàn Lão, Tây Trạch	Bố Trạch	0.26			0.26
		Nay điều chỉnh	TT Hoàn Lão, Tây Trạch	Bố Trạch	0.28			0.28
19	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Đã phê duyệt	TT Quy Đạt	Minh Hóa	0.53			0.53
		Nay điều chỉnh	TT Quy Đạt	Minh Hóa	0.84			0.84

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
20	Cầu vượt lũ Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Đã phê duyệt	Minh Hóa	Minh Hóa	0.81			0.81
		Nay điều chỉnh	Minh Hóa	Minh Hóa	0.87	0.01		0.86
21	Đầu tư xây dựng Tuyến đường xã Yên Hóa	Đã phê duyệt	Yên Hóa	Minh Hóa	1.25	0.2		1.05
		Nay điều chỉnh	Yên Hóa	Minh Hóa	3.10	0.05		3.05
22	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Đã phê duyệt	TT Quy Đạt	Minh Hóa	1.95	0.1		1.85
		Nay điều chỉnh	TT Quy Đạt	Minh Hóa	2.22	0.6		1.62
23	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến Trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Đã phê duyệt	TT Quy Đạt	Minh Hóa	1.03	0.25		0.78
		Nay điều chỉnh	TT Quy Đạt	Minh Hóa	2.01	0.35		1.66
III	Điều chỉnh 03 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022		Đã phê duyệt		2.93	2.80		0.13
			Nay điều chỉnh		3.81	2.40		1.41
1	Đất ở nông thôn xã Cam Thủy (thôn Mỹ Duyệt)	Đã phê duyệt	Cam Thủy	Lệ Thủy	0.39	0.34		0.05
		Nay điều chỉnh	Cam Thủy	Lệ Thủy	0.39	0.39		

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ UBND xã Sơn Lộc đi tỉnh lộ 561	Đã phê duyệt	Vạn Trạch, Sơn Lộc	Bố Trạch	1.03	0.95		0.08
		Nay điều chỉnh	Vạn Trạch, Sơn Lộc	Bố Trạch	1.87	0.85		1.02
3	Khu tái định cư khu vực thôn Phú Hữu, xã Liên Trạch ((phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Liên Trạch	Bố Trạch	1.51	1.51		
		Nay điều chỉnh	Liên Trạch	Bố Trạch	1.55	1.16		0.39
IV	Điều chỉnh 02 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 24/03/2023		Đã phê duyệt		2.18	0.35		1.83
			Nay điều chỉnh		2.34	0.37		1.97
1	Nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0.50			0.50
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	0.55			0.55
2	Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	1.68	0.35		1.33
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	1.79	0.37		1.42
V	Điều chỉnh 02 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/07/2023		Đã phê duyệt		1.31	0.12		1.19
			Nay điều chỉnh		1.49	0.03		1.46

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
1	Di dời đường điện, viễn thông phục vụ GPMB xây dựng Dự án đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn Bùng-Vạn Ninh (đoạn đi qua địa phận huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình)	Đã phê duyệt	Xuân Ninh, Hàm Ninh, Hiền Ninh, Vạn Ninh, Vĩnh Ninh, An Ninh	Quảng Ninh	0.90	0.12		0.78
		Nay điều chỉnh	Xuân Ninh, Hàm Ninh, Hiền Ninh, Vạn Ninh, Vĩnh Ninh, An Ninh	Quảng Ninh	1.05	0.03		1.02
2	Tái định cư khu vực thôn Đông Sơn, xã Cự Năm (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0.41			0.41
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	0.44			0.44
VI	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 2/10/2023		Đã phê duyệt		0.88			0.88
			Nay điều chỉnh		0.91			0.91
1	Trường tiểu học số 2 Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0.88			0.88
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	0.91			0.91
Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI): 39 dự án			Đã phê duyệt		60.84	15.85	2.03	42.96
			Nay điều chỉnh		69.27	17.20	0.90	51.17
<i>Ghi chú: 39 công trình, dự án điều chỉnh không có diện tích đất rừng đặc dụng</i>								

Phụ lục 4

DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ THÔNG QUA TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SAU 03 NĂM CHƯA THỰC HIỆN HOÀN THÀNH NAY TIẾP TỤC THỰC HIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ				294.16	42.91	15.48	235.77
I	Huyện Lệ Thủy			225.70	14.90	15.48	195.32
1	Tuyến đường ven biển (phần diện tích còn lại)	Các xã, phường	Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy, thị xã Ba Đồn và TP Đồng Hới	214.92	6.22	15.48	193.22
2	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110kV TBA 110kV Đồng Hới - Lệ Thủy (phần diện tích còn lại)	Các xã, phường	Lệ Thủy, Đồng Hới	1.08	0.69		0.39
3	Dự án đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 1A đến khu di tích chiến thắng Xuân Bò kết nối khu du lịch và khu tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Dương Thủy, Hưng Thủy, Mỹ Thủy, Tân Thủy	Lệ Thủy	8.53	6.82		1.71

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
4	Dự án TBA 110kV Cam Liên và đấu nối (phần diện tích còn lại)	Cam Thủy, Dương Thủy, Hưng Thủy, Mỹ Thủy, Ngư Thủy Bắc, Tân Thủy, Thanh Thủy, Xuân Thủy	Lệ Thủy	0.43	0.43		
5	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy (phần diện tích còn lại)	Phong Thủy	Lệ Thủy	0.74	0.74		0.00
II	Huyện Quảng Ninh			1.38	0.41		0.97
6	Cải tạo và phát triển lưới điện trung áp khu vực huyện lỵ, thị xã, thành phố của tỉnh Quảng Bình (phần diện tích còn lại)	Các xã, phường	Quảng Ninh, Đồng Hới, Ba Đồn, Quảng Trạch	0.38	0.15		0.23
7	Xây dựng HTKT khu dân cư Đồng Hang (giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Quán Hàu	Quảng Ninh	1.00	0.26		0.74
III	Huyện Bố Trạch			13.52	3.01		10.51
8	Đường từ tỉnh lộ 561 đi cầu Sông Trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	6.23	2.72		3.51
9	Hạ tầng phát triển quỹ đất ở khu vực ngã ba thị trấn Hoàn Lão (phần diện tích còn lại)	Hoàn Lão, Trung Trạch	Bố Trạch	1.30	0.16		1.14

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
10	Hạ tầng kỹ thuật nối quy hoạch khu vực phía Đông ngã ba thị trấn Hoàn Lão ra biển Trung Trạch (diện tích phần còn lại)	Trung Trạch	Bố Trạch	5.99	0.13		5.86
IV	Thị xã Ba Đồn			15.92	6.88		9.04
11	Dự án HTKT dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, xã Quảng Hòa (đợt 2) (phần diện tích còn lại)	Quảng Hòa	Ba Đồn	2.50	1.80		0.70
12	Dự án Phát triển quỹ đất tại khu dân cư đồng Cồn Trốt, tổ dân phố Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn (đợt 2) (phần diện tích còn lại)	Ba Đồn, Quảng Long	Ba Đồn	2.15	1.68		0.47
13	Dự án HTKT khu trung tâm xã Quảng Hòa (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Quảng Hòa	Ba Đồn	0.99	0.83		0.16
14	Dự án HTKT khu QHCT phát triển quỹ đất vùng Đồng Bàu, TDP Chính Trực, Phường Quảng Long (phần diện tích còn lại)	Quảng Long	Ba Đồn	1.77	0.81		0.96
15	Dự án Phát triển quỹ đất khu dân cư phía sau trụ sở UBND phường Quảng Thọ (phần diện tích còn lại)	Quảng Thọ	Ba Đồn	3.54	1.21		2.33
16	Dự án Khu dân cư và đường Lý Thường Kiệt đoạn qua phường Quảng Thuận (phần diện tích còn lại)	Quảng Thuận	Ba Đồn	4.97	0.55		4.42

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
V	Huyện Quảng Trạch			13.09	7.45		5.64
17	Nâng cấp, sửa chữa khẩn cấp đập hồ Khe Chù xã Cảnh Hóa, huyện Quảng Trạch (phần diện tích còn lại)	Cảnh Hóa	Quảng Trạch	1.37	0.01		1.36
18	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu dân cư thôn Nam Lãnh, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch (đợt 2) (phần diện tích còn lại)	Quảng Phú	Quảng Trạch	0.90	0.46		0.44
19	Hạ tầng khu dân cư phía Tây kênh Xuân Hưng, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Quảng Tùng	Quảng Trạch	4.38	2.25		2.13
20	Hạ tầng kết nối giao thông tuyến chính từ đường liên xã Long-Phuong-Luu kết nối các trục đường vào Trung tâm huyện (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Quảng Phương	Quảng Trạch	6.44	4.73		1.71
VI	Huyện Tuyên Hóa			1.87	0.18		1.69
21	Đường giao thông liên xã phía Tây thị trấn (giai đoạn 1) (Phần diện tích còn lại)	Đồng Lê	Tuyên Hóa	1.25	0.07		1.18
22	Phát triển quỹ đất ở tiểu khu Đồng Văn (phần diện tích còn lại)	Đồng Lê	Tuyên Hóa	0.27	0.06		0.21
23	Phát triển quỹ đất ở tiểu khu Tam Đồng (giai đoạn 1)-(phần diện tích còn lại)	Đồng Lê	Tuyên Hóa	0.35	0.05		0.30
VII	Huyện Minh Hóa			3.24	0.03		3.21

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
24	Tuyến đường Hồng Hóa - Yên Hóa - TT Quy Đạt (giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Quy Đạt, Yên Hóa, Quy Hóa	Minh Hóa	3.24	0.03		3.21
VIII	Thành phố Đồng Hới			19.44	10.05		9.39
25	Dự án Tạo quỹ đất ở khu vực Đồng Bình Bồn (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh	Đồng Hới	2.40	0.82		1.58
26	HTKT phát triển khu đất ở mới thôn Đức Phong, xã Đức Ninh (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh	Đồng Hới	0.90	0.79		0.11
27	Tạo quỹ đất KDC Đức Sơn phía Tây Bắc Nguyễn Đăng Giai, xã Đức Ninh (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh	Đồng Hới	2.90	2.41		0.49
28	Tạo quỹ đất Khu dân cư Đức Sơn, phía Tây Bắc đường Lê Lợi, xã Đức Ninh (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh	Đồng Hới	1.07	0.60		0.47
29	Tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh (phần diện tích còn lại)	Lộc Ninh	Đồng Hới	1.80	0.50		1.30
30	Tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông đường Phùng Hưng, phường Đồng Phú (phần diện tích còn lại)	Đồng Phú, Hải Thành	Đồng Hới	3.52	1.40		2.12
31	HTKT khu dân cư TDP9 (giai đoạn 2), phường Bắc Lý (phần diện tích còn lại)	Bắc Lý	Đồng Hới	1.99	1.09		0.90
32	HTKT khu dân cư TDP9, phường Bắc Lý (phần diện tích còn lại)	Bắc Lý	Đồng Hới	1.69	0.54		1.15
33	HTKT khu đất ở TDP 10, phường Bắc Lý (phần diện tích còn lại)	Bắc Lý	Đồng Hới	1.24	0.73		0.51

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
34	Khu dân cư phía Tây đường Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới (phần mở rộng về phía Đông) (phần diện tích còn lại)	Bắc Lý	Đồng Hới	1.10	0.60		0.50
35	Tạo quỹ đất khu dân cư phía Bắc đường Lê Lợi, phường Bắc Nghĩa (phần mở rộng, bổ sung) (phần diện tích còn lại)	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	0.80	0.55		0.25
36	Khu dân cư Đông Nam đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	0.01	0.01		0.00
37	Hạ tầng Công viên vui chơi giải trí thuộc khu Công viên Cầu Rào, thành phố Đồng Hới (phần diện tích còn lại)	Nam Lý	Đồng Hới	0.02	0.01		0.01
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)				113.53			113.53
I	Huyện Lệ Thủy			90.44			90.44
1	Dự án Đường nối từ Quốc lộ 1A đến quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc (Đợt 2) (phần diện tích còn lại)	Các xã: Cam Thủy, Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	6.42			6.42
2	Dự án khai thác quặng Titan sa khoáng tại Ngư Thủy và Sen Thủy (phần diện tích còn lại)	Các xã: Ngư Thủy, Sen Thủy	Lệ Thủy	84.02			84.02
II	Huyện Quảng Ninh			0.03			0.03

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
3	Khu nhà ở thương mại Đá Lả, thị trấn Quán Hàu (phần diện tích còn lại)	TT Quán Hàu	Quảng Ninh	0.03			0.03
III	Huyện Bố Trạch			3.21			3.21
4	Nâng cấp mở rộng khu di tích ga Bố Trạch (phần diện tích còn lại)	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0.04			0.04
5	Đầu tư khai thác Quỹ đất Phát triển kết cấu hạ tầng Khu vực thôn Nam Đức, xã Đức Trạch (phần diện tích còn lại)	Các xã: Đức Trạch, Đồng Trạch	Bố Trạch	0.50			0.50
6	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại khu vực phía Nam sông Phường Bún, thị trấn Hoàn Lão (phần diện tích còn lại)	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	2.67			2.67
IV	Thị xã Ba Đồn			3.41			3.41
7	Dự án Diêm dân cư khu vực vườn Phụ Lão, thôn Thượng Thôn, xã Quảng Trung (phần diện tích thu hồi còn lại)	Quảng Trung	Ba Đồn	0.25			0.25
8	Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương, phường Ba Đồn (giai đoạn 1- Đợt 3) (phần diện tích còn lại)	Ba Đồn	Ba Đồn	3.16			3.16
V	Huyện Minh Hóa			1.35			1.35
9	Tuyến đường từ xã Yên Hóa đi xã Quy Hóa, huyện Minh Hóa (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Yên Hóa	Minh Hóa	0.30			0.30

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
10	Vĩa hè, hạ tầng kỹ thuật đường QL 12A phía Nam thị trấn Quy Đạt (từ trường THPT Minh Hóa đến đoạn tiếp giáp xã Minh Hóa) giai đoạn 1 (phần diện tích còn lại)	Quy Đạt	Minh Hóa	0.10			0.10
11	Tuyến đường dây 110Kv từ nhà máy thủy điện La Trọng đầu nối vào hệ thống điện Quốc gia thuộc dự án thủy điện La Trọng (phần diện tích còn lại)	Các xã: Trọng Hóa, Hóa Thanh, Hóa Tiến, Hóa Phúc, Hồng Hóa	Minh Hóa	0.95			0.95
VI	Thành phố Đồng Hới			15.09			15.09
12	Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông, đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phan (phần diện tích còn lại)	Bắc Lý, Lộc Ninh	Đồng Hới	0.04			0.04
13	Dự án Tạo quỹ đất Khu đô thị Sa Động, xã Bảo Ninh (Giai đoạn 1) (phần diện tích còn lại)	Bảo Ninh	Đồng Hới	0.10			0.10
14	HTKT khu đất ở xã Đức Ninh (Đợt 2) (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh	Đồng Hới	0.24			0.24
15	Tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông đường Hà Huy Tập, tổ dân phố 6, phường Bắc Nghĩa (phần diện tích còn lại)	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	0.03			0.03
16	HTKT Khu dân cư ven sông Lê Kỳ, dọc theo tuyến đường 36m (phần diện tích còn lại)	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	1.40			1.40
17	Khu đô thị mới Phú Hải (phần diện tích còn lại)	Phú Hải	Đồng Hới	0.07			0.07
18	Khu đô thị Nam Cầu Dài (phần diện tích còn lại)	Phú Hải	Đồng Hới	13.21			13.21
C. CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG				4.50	2.44		2.06
I	Huyện Bố Trạch			4.50	2.44		2.06

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
1	Khu hạ tầng du lịch Phong Nha của Công ty TNHH Du lịch sinh thái Phong Nha - Kẻ Bàng (phần diện tích còn lại)	TT Phong Nha	Bố Trạch	4.50	2.44		2.06
Tổng cộng: 56 dự án				412.19	45.35	15.48	351.36
<i>Ghi chú: 56 dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng</i>							

Phụ lục 5

DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ THÔNG QUA TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SAU 03 NĂM CHƯA THỰC HIỆN NAY TIẾP TỤC THỰC HIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ				505.83	204.74	5.69	295.40
I	Huyện Lệ Thủy			52.68	43.09	0.00	9.59
1	Đường nối từ Quốc lộ 1A đến nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, huyện Lệ Thủy	Lộc Thủy, Phong Thủy	Lệ Thủy	4.85	3.92		0.93
2	Xây dựng khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 1)	Lộc Thủy	Lệ Thủy	3.50	2.33		1.17
3	Dự án Khu đô thị dọc 2 bên Quốc lộ 9C	Mai Thủy, Xuân Thủy	Lệ Thủy	9.97	9.22		0.75
4	Phát triển quỹ đất để đầu tư quy hoạch sử dụng đất tại xã Liên Thủy	Liên Thủy	Lệ Thủy	5.50	5.00		0.50
5	Dự án Khu dân cư thôn Thanh Mỹ, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy (Giai đoạn 1)	Thanh Thủy	Lệ Thủy	4.93	4.20		0.73
6	Dự án Khu dân cư thôn Phan Xá, xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy	Xuân Thủy	Lệ Thủy	11.10	9.60		1.50
7	Khu đô thị Kiến Giang 1, huyện Lệ Thủy	TT Kiến Giang	Lệ Thủy	8.87	8.17		0.70

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
8	Cầu Lộc Thủy - An Thủy và Đường hai đầu cầu	An Thủy, Lộc Thủy	Lệ Thủy	3.96	0.65		3.31
II	Huyện Quảng Ninh			12.32	3.01		9.31
9	Khu đô thị ven sông Rào Bạc	Võ Ninh	Quảng Ninh	9.80	2.50		7.30
10	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư thị trấn Quán Hàu	Quán Hàu	Quảng Ninh	0.50	0.48		0.02
11	Di dời khẩn cấp các hộ dân bản Sắt xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao (Khu tái định cư tránh sạt lở bản Sắt)	Trường Sơn	Quảng Ninh	2.02	0.03		1.99
III	Huyện Bố Trạch			76.25	48.55		27.70
12	Trạm biến áp 110kV Bố Trạch và Đầu nối	Sơn Lộc, Vạn Trạch, Cự Năm, Hải Phú	Bố Trạch	0.62	0.03		0.59
13	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110kV Bố Trạch	Thanh Trạch, Cự Năm, Hưng Trạch	Bố Trạch	0.22	0.03		0.19
14	Khu đô thị Đại Trung	Đại Trạch, Trung Trạch	Bố Trạch	14.29	9.96		4.33
15	Khu đô thị Phúc Tự Tây	Đại Trạch	Bố Trạch	20.50	9.63		10.87

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
16	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực cây xăng Đồng Trạch	Đồng Trạch	Bố Trạch	5.19	4.67		0.52
17	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực thôn Nam Lộc, xã Vạn Trạch	Vạn Trạch	Bố Trạch	4.93	4.23		0.70
18	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực chợ Trung Trạch	Trung Trạch	Bố Trạch	5.45	2.21		3.24
19	Khai thác quỹ đất khu vực thôn 1 xã Hạ Trạch	Hạ Trạch	Bố Trạch	1.07	0.83		0.24
20	Đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Bắc tỉnh lộ 561, đoạn từ tỉnh lộ 561 đi ban chỉ huy quân sự huyện Bố Trạch	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	9.59	8.16		1.43
21	Đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Nam chi nhánh lâm trường rừng thông Bố Trạch	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	4.93	3.01		1.92
22	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại khu vực thôn Xuân Tiến	TT Phong Nha	Bố Trạch	5.90	3.38		2.52
23	Dự án tạo quỹ đất ở khu vực thôn Quý Thuận, xã Hải Phú	Hải Phú	Bố Trạch	1.02	0.44		0.58

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
24	Đường Giao thông nông thôn từ QL 15A đi trụ sở xã Cự Nẫm	Cự Nẫm	Bố Trạch	2.36	1.79		0.57
25	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 1 Đồng Trạch	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.18	0.18		0.00
IV	Thị xã Ba Đồn			53.93	28.19		25.74
26	Tuyến đường trục chính Quốc lộ 12A đi vùng Nam, đoạn từ xã Quảng Lộc đi cụm trung tâm các xã vùng Nam	Quảng Hòa, Quảng Sơn	Ba Đồn	8.60	6.08		2.52
27	Sân vận động phường Quảng Phong	Quảng Phong	Ba Đồn	1.87	1.70		0.17
28	Dự án HTKT Khu trung tâm xã Quảng Hòa (Giai đoạn 2)	Quảng Hòa	Ba Đồn	4.50	2.63		1.87
29	Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Bắc tuyến đường tỉnh lộ 559B, xã Quảng Sơn (Giai đoạn 1)	Quảng Sơn	Ba Đồn	4.90	3.62		1.28
30	Dự án Khu dân cư phía Đông TDP Tân Xuân, phường Quảng Phong	Quảng Phong	Ba Đồn	5.24	0.21		5.03
31	Dự án Phát triển quỹ đất khu dân cư TDP 1, phường Quảng Phong	Quảng Phong	Ba Đồn	1.84	1.45		0.39

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
32	Dự án HTKT Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Quảng Thọ	Quảng Thọ	Ba Đồn	15.32	10.43		4.89
33	Đường giao thông liên tổ dân phố 6 - 7 phường Quảng Phong	Quảng Phong	Ba Đồn	1.16	0.60		0.56
34	HTKT Khu dân cư phía Nam đường Quang Trung, phường Quảng Thọ	Quảng Thọ	Ba Đồn	10.50	1.47		9.03
V	Huyện Quảng Trạch			68.15	17.39		50.76
35	Mở rộng khuôn viên Nhà thờ Giáo xứ Chợ Sàng, xã Liên Trường	Liên Trường	Quảng Trạch	0.35	0.17		0.18
36	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch khu dân cư thôn Minh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch	Quảng Đông	Quảng Trạch	5.14	4.06		1.08
37	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới Quảng Trạch xã Quảng Hưng	Quảng Hưng	Quảng Trạch	40.40	1.40		39.00
38	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Quy hoạch chi tiết Khu dân cư phía Tây thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương (Giai đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	5.05	3.77		1.28
39	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết Khu vực thuộc trung tâm xã tại thôn Phù Ninh xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch	Quảng Thanh	Quảng Trạch	2.21	1.89		0.32

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
40	Xây dựng Hạ tầng kết nối giao thông từ Trung tâm huyện Quảng Trạch đến Quốc lộ 12A	Liên Trường, Quảng Phương	Quảng Trạch	15.00	6.10		8.90
VI	Thành phố Đồng Hới			100.28	64.51		35.77
41	Mở rộng trụ sở công an phường Đức Ninh Đông	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	0.06	0.06		
42	Trụ sở công an xã Đức Ninh	Đức Ninh	Đồng Hới	0.27	0.26		0.01
43	Trụ sở Công an xã Nghĩa Ninh	Nghĩa Ninh	Đồng Hới	0.26	0.26		
44	Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới và các tuyến đường phụ cận trong khu vực	Đồng Phú, Lộc Ninh	Đồng Hới	8.66	5.03		3.63
45	Khu đô thị Erowindow Grand City	Đồng Phú	Đồng Hới	1.50	1.00		0.50
46	Trung tâm văn hoá thể thao thành phố Đồng Hới	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	6.12	5.96		0.16
47	Trung tâm văn hóa Phường Phú Hải	Phú Hải	Đồng Hới	0.65	0.57		0.08
48	Khu vui chơi thể thao phường Phú Hải	Phú Hải	Đồng Hới	1.96	1.82		0.14
49	Tạo quỹ đất ở khu vực đồng Bàu Miếu	Đức Ninh	Đồng Hới	5.49	4.70		0.79
50	Khu dân cư phía Tây Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới (phần mở rộng về phía Nam và bổ sung hồ điều hoà)	Bắc Lý	Đồng Hới	0.30	0.10		0.20
51	Tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Lý Thái Tổ, phường Bắc Nghĩa	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	4.50	3.80		0.70
52	Khu đô thị sinh thái phía Tây Bắc sông Lệ Kỳ	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	6.00	2.00		4.00
53	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam đường Tạ Quang Bửu, phường Nam Lý	Nam Lý	Đồng Hới	7.30	4.00		3.30
54	Dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở Đồng Hới tại đường Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới (Dự án Đồng Hới Complex)	Nam Lý	Đồng Hới	5.82	1.99		3.83

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
55	HTKT khu đất ở TDP Diêm Hải, phường Phú Hải	Phú Hải	Đồng Hới	3.30	3.20		0.10
56	Nhà trực lực lượng dân quân thường trực phường Đức Ninh Đông	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	0.11	0.04		0.07
57	Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi	Phường Đức Ninh Đông	Đồng Hới	10.60	8.91		1.69
58	Khu đô thị trung tâm phía Đông đường Phùng Hưng	Đồng Phú	Đồng Hới	5.00	4.24		0.76
59	Khu đô thị phía Đông Bắc đường Lý thường Kiệt	Đồng Phú	Đồng Hới	9.10	2.70		6.40
60	Khu đô thị phía Bắc công viên trung tâm thành phố Đồng Hới	Đồng Phú	Đồng Hới	2.70	1.70		1.00
61	Khu đô thị phía Tây Bắc đường 27m, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	8.10	7.40		0.70

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
62	Khu đô thị phía Đông đường Nguyễn Văn Linh 1	Bắc Lý	Đồng Hới	3.32	2.05		1.27
63	Khu đô thị phía Đông Bắc đường Lý Thường Kiệt-phường Đồng Phú	Đồng Phú	Đồng Hới	9.09	2.70		6.39
64	Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110 KV từ TBA 220 kV Đồng Hới - TBA 110 KV Đồng Hới	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	0.07	0.02		0.05
VII	Huyện Minh Hóa			142.22		5.69	136.53
65	Thủy điện La Trọng, xã Trọng Hóa	Trọng Hóa	Minh Hóa	142.22		5.69	136.53

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)				758.13			758.13
I	Huyện Lệ Thủy			65.66			65.66
1	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu phức hợp đô thị mới phía Đông Bắc đường BOT vượt lũ	Các xã: Cam Thủy, Ngu Thủy Bắc	Lệ Thủy	35.00			35.00
2	Dự án tạo quỹ đất Khu dân cư Gia Hồng, huyện Quảng Ninh - Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Hồng Thủy	Lệ Thủy	10.60			10.60
3	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ở lô (XII-OM-5, XII-OM-6) xã Ngu Thủy Bắc	Ngu Thủy Bắc	Lệ Thủy	20.06			20.06
II	Huyện Quảng Ninh			38.83			38.83
4	Khu đô thị cao cấp Quán Hàu	TT Quán Hàu	Quảng Ninh	16.82			16.82
5	Khu đô thị phía Nam Đồng Hới	TT Quán Hàu; Lương Ninh	Quảng Ninh	13.69			13.69
6	Khu nhà ở thương mại Dinh mười III (Giai đoạn 2)	Gia Ninh	Quảng Ninh	4.13			4.13
7	Đường nối từ bản Hang Chuồn đi Khe nước lạnh	Trường Xuân	Quảng Ninh	4.19			4.19
III	Huyện Bố Trạch			78.10			78.10
8	Khu đô thị Quang Phú (phần thuộc huyện Bố Trạch)	Lý Trạch	Bố Trạch	5.27			5.27
9	Khu đô thị Lý Trạch	Lý Trạch	Bố Trạch	19.94			19.94

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
10	Khu đô thị mới Lý Nhân	Lý Trạch	Bố Trạch	38.75			38.75
11	Khu nhà ở thương mại xã Thanh Trạch	Thanh Trạch	Bố Trạch	0.94			0.94
12	Tạo quỹ đất ở thôn Xuân Sơn	TT Phong Nha	Bố Trạch	4.00			4.00
13	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Nam chợ Ga Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	4.20			4.20
14	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc xã Xuân Trạch	Xuân Trạch	Bố Trạch	0.33			0.33
15	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn 5 Đồng Trạch	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.16			0.16
16	Nghĩa trang nhân dân xã Bắc Trạch	Bắc Trạch	Bố Trạch	4.51			4.51
IV	Thị xã Ba Đồn			173.97			173.97
17	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Bắc sông Gianh, phường Quảng Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	60.00			60.00
18	Đường từ ngã tư Quảng Thọ ra Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn (Đường Võ Nguyên Giáp)	Quảng Thọ	Ba Đồn	5.77			5.77
19	Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương (Giai đoạn 2)	Ba Đồn	Ba Đồn	11.37			11.37
20	Dự án HTKT Khu dân cư phía Bắc TDP Trường Sơn, phường Quảng Long	Quảng Long	Ba Đồn	4.80			4.80

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
21	Dự án Khu dân cư phía Bắc phường Quảng Long (Giai đoạn 2)	Quảng Long	Ba Đồn	5.50			5.50
22	Khu đô thị phức hợp du lịch nghỉ dưỡng thương mại tại phường Quảng Thọ	Quảng Thọ	Ba Đồn	35.90			35.90
23	Dự án Khu đô thị Cồn Két tại phường Quảng Thuận	Quảng Thuận	Ba Đồn	50.20			50.20
24	HTKT Khu dân cư Phía Tây chợ Mỹ Hòa, phường Quảng Phúc	Quảng Phúc	Ba Đồn	0.43			0.43
V	Huyện Quảng Trạch			51.44			51.44
25	Khu đất ở Đông Hưng, xã Quảng Đông, Khu kinh tế Hòn La	Quảng Đông	Quảng Trạch	13.74			13.74
26	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch khu vực thôn 1 Tú Loan xã Quảng Hưng (giai đoạn 2)- Khu vực 1	Quảng Hưng	Quảng Trạch	5.10			5.10
27	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (Giai đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	4.86			4.86
28	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông Bắc tuyến đường từ trung tâm huyện đi xã Quảng Lưu (giai đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	4.96			4.96
29	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông Bắc, Trung tâm huyện lỵ huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	4.90			4.90

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
30	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây Bắc tuyến đường từ trung tâm huyện đi xã Quảng Lưu (Giai đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	4.96			4.96
31	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây tuyến đường từ thị xã Ba Đồn đi Trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Quảng Phương	Quảng Trạch	3.50			3.50
32	HTKT khu vực phía Đông Nam trung tâm huyện lỵ Quảng Trạch (giai đoạn 1) xã Quảng Phương	Quảng Phương	Quảng Trạch	4.52			4.52
33	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch	Quảng Phương	Quảng Trạch	4.90			4.90
VI	Huyện Tuyên Hóa			0.53			0.53
34	Nghĩa trang liệt sĩ xã Châu Hóa	Châu Hóa	Tuyên Hóa	0.14			0.14
35	Chợ trung tâm xã	Hương Hóa	Tuyên Hóa	0.39			0.39
VII	Thành phố Đồng Hới			349.60			349.60
36	Nâng cấp, mở rộng Đường Nguyễn Thị Định (Đoạn từ cầu Nhật Lệ II đến nghĩa trang xã Bảo Ninh)	Bảo Ninh	Đồng Hới	3.10			3.10
37	Dự án Tạo quỹ đất Khu đô thị Sa Động, xã Bảo Ninh (Phần điều chỉnh, bổ sung dự án theo Quyết định số 890/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 23/3/2018) (Giai đoạn 2)	Bảo Ninh	Đồng Hới	2.00			2.00
38	HTKT khu dân cư thôn Trung Bính, xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	Đồng Hới	1.25			1.25
39	HTKT khu đất ở phía Tây đường 36m, thôn Sa Động, Trung Bính, xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	Đồng Hới	4.40			4.40
40	Khu đô thị Bảo Ninh 3	Bảo Ninh	Đồng Hới	16.49			16.49

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
41	Khu đô thị Bảo Ninh 4	Bảo Ninh	Đồng Hới	41.52			41.52
42	Khu đô thị Bảo Ninh 5	Bảo Ninh	Đồng Hới	43.28			43.28
43	Khu đô thị Bảo Ninh 6	Bảo Ninh	Đồng Hới	41.91			41.91
44	Khu đô thị Bảo Ninh 7	Bảo Ninh	Đồng Hới	47.76			47.76
45	Khu đô thị Bảo Ninh 8	Bảo Ninh	Đồng Hới	20.24			20.24
46	Khu đô thị Bảo Ninh Xanh (HADALAND Bảo Ninh Green City)	Bảo Ninh	Đồng Hới	26.00			26.00
47	Khu dân cư phía Tây Nam đường Trương Pháp, xã Quang Phú	Quang Phú	Đồng Hới	6.50			6.50
48	Xây dựng điểm dân cư TDP 12, phường Bắc Lý	Bắc Lý	Đồng Hới	0.50			0.50
49	HTKT khu dân cư phía Đông Mương Phóng Thủy, phường Đồng Phú	Đồng Phú	Đồng Hới	0.11			0.11
50	HTKT đất ở khu vực hồ Nam Lý	Nam Lý	Đồng Hới	0.68			0.68
51	Tạo quỹ đất cụm dân cư Tổ dân phố 3, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới	Nam Lý	Đồng Hới	1.20			1.20
52	Khu đô thị Bảo Ninh- Hà Trung	Bảo Ninh	Đồng Hới	26.70			26.70
53	Khu đô thị Lộc Ninh	Lộc Ninh	Đồng Hới	8.50			8.50
54	Khu đô thị Quang Phú	Quang Phú	Đồng Hới	9.40			9.40
55	Khu đô thị Phương Bắc	Bảo Ninh	Đồng Hới	17.70			17.70
56	Khu đô thị Bảo Ninh - Cửa Phú	Bảo Ninh	Đồng Hới	18.50			18.50
57	Xây dựng hạ tầng khu dân cư lô đất CC3 và OC35 thuộc Quy hoạch phân khu phía Bắc xã Bảo Ninh	Bảo Ninh	Đồng Hới	1.17			1.17
58	Đầu tư, mở rộng nâng cấp Cảng hàng không Đồng Hới	Lộc Ninh	Đồng Hới	10.60			10.60

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
59	Mở rộng trụ sở UBND phường Đồng Phú (làm trụ sở BCH quân sự phường)	Đồng Phú	Đồng Hới	0.09			0.09
C. CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG				3.53	2.71		0.82
I	Huyện Bố Trạch			3.53	2.71		0.82
1	Khu thể thao và dịch vụ tổng hợp của Công ty TNHH Ngọc Hoa BP	Hung Trạch	Bố Trạch	0.77	0.14		0.63
2	Cửa hàng xăng dầu Đức Sơn	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0.27	0.24		0.03
3	Xây dựng tổ hợp nhà hàng, khách sạn Hoa hướng dương - Sunflower	Trung Trạch	Bố Trạch	2.49	2.33		0.16
Tổng cộng: 127 dự án				1,267.49	207.45	5.69	1,054.35

Ghi chú: 127 dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng

Phụ lục 6**DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯA RA NGHỊ QUYẾT THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ***(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)**Đơn vị tính: ha*

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
I	Đưa ra 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021			2.01			2.01
1	Khu phức hợp Ba Đồn, tại phường Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	2.01			2.01
II	Đưa ra 06 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 02/5/2022			51.69	28.10		23.59
1	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 2	Võ Ninh	Quảng Ninh	10.00			10.00
2	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 3	Võ Ninh	Quảng Ninh	10.90	7.00		3.90
3	Khu nhà ở thương mại phía sau chợ Đức Ninh, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	Đức Ninh	Đồng Hới	10.44	8.11		2.33
4	Khu nhà ở thương mại phía Tây đường Lý Nam Đế	Đồng Phú	Đồng Hới	9.60	5.19		4.41
5	Khu nhà ở thương mại Phú Xá, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	Lộc Ninh	Đồng Hới	6.45	5.80		0.65
6	Khu nhà ở thương mại thôn Lộc Thượng, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy	An Thủy	Lệ Thủy	4.30	2.00		2.30

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
III	Đưa ra 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022			158.96		0.16	158.80
1	Khu đô thị Võ Ninh, huyện Quảng Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	158.96		0.16	158.80
Tổng cộng: 08 dự án				212.66	28.10	0.16	184.40

Ghi chú: 08 dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng